

**Hiệp định đa phương về Hỗ trợ hành chính chung về thuế (MAC)
được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 2010**

Văn bản được sửa đổi theo các quy định của Nghị định thư sửa đổi Hiệp định đa phương về Hỗ trợ hành chính chung về thuế, kể từ khi có hiệu lực vào ngày 01 tháng Sáu năm 2011.

Lời mở đầu

Các Nước thành viên của Hội đồng Châu Âu và các Nước thành viên của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), các bên ký kết Hiệp định này,

Xem xét sự phát triển của hành động quốc tế về con người, vốn, hàng hóa và dịch vụ - mặc dù rất có lợi cho bản thân - đã làm tăng khả năng tránh thuế và trốn thuế và do đó đòi hỏi phải tăng cường hợp tác giữa các cơ quan thuế;

Hoan nghênh những nỗ lực khác nhau được thực hiện trong những năm gần đây để chống tránh thuế và trốn thuế ở cấp độ quốc tế, cho dù là song phương hay đa phương;

Xem xét một nỗ lực phối hợp giữa các Nước là cần thiết để thúc đẩy tất cả các hình thức hỗ trợ hành chính về các vấn đề liên quan đến thuế dưới bất kỳ hình thức nào đồng thời đảm bảo bảo vệ đầy đủ các quyền của người nộp thuế;

Nhận thức được hợp tác quốc tế có thể đóng một phần quan trọng trong việc tạo điều kiện xác định đúng đắn các khoản nợ thuế và giúp người nộp thuế bảo đảm các quyền của mình;

Xem xét các nguyên tắc cơ bản đòi hỏi mọi người phải có các quyền và nghĩa vụ của mình được xác định theo một thủ tục pháp lý phù hợp nên được công nhận là áp dụng cho các vấn đề thuế ở tất cả các Nước và các Nước nên nỗ lực bảo vệ lợi ích hợp pháp của người nộp thuế, bao gồm cả sự bảo vệ thích hợp chống phân biệt đối xử và đánh thuế hai lần;

Do đó, thuyết phục rằng các Nước nên thực hiện các biện pháp hoặc cung cấp thông tin, liên quan đến sự cần thiết của việc bảo vệ bí mật thông tin và tính đến các công cụ quốc tế để bảo vệ quyền riêng tư và luồng dữ liệu cá nhân;

Xem xét một môi trường hợp tác xã mới đã xuất hiện và mong muốn một công cụ đa phương được cung cấp để cho phép số lượng lớn nhất các Nước có được lợi ích của môi trường hợp tác xã mới và đồng thời thực hiện các tiêu chuẩn quốc tế cao nhất về hợp tác trong lĩnh vực thuế;

Mong muốn ký kết một hiệp định đa phương về hỗ trợ hành chính chung về thuế,
Đã thỏa thuận dưới đây:

Chương I - Phạm vi của Hiệp định

Điều 1 - Mục tiêu của Hiệp định và các đối tượng áp dụng

1. Các Bên, theo các quy định của Chương IV, cung cấp hỗ trợ hành chính cho nhau về các vấn đề thuế. Khi thích hợp, hỗ trợ như vậy có thể liên quan đến các biện pháp được thực hiện bởi các cơ quan tư pháp.
2. Hỗ trợ hành chính như vậy sẽ bao gồm:
 - a. trao đổi thông tin, bao gồm kiểm tra thuế đồng thời và tham gia kiểm tra thuế ở nước ngoài;
 - b. hỗ trợ thu hồi nợ thuế, bao gồm các biện pháp đảm bảo; và
 - c. gửi tài liệu.
3. Một Bên sẽ cung cấp hỗ trợ hành chính cho dù đối tượng bị ảnh hưởng là đối tượng cư trú hoặc đối tượng mang quốc tịch của một Bên hoặc của bất kỳ Nước nào khác.

Điều 2 – Các loại thuế áp dụng

1. Hiệp định này sẽ áp dụng:
 - a. đối với các loại thuế sau:
 - i. thuế đối với thu nhập hoặc lợi nhuận;
 - ii. thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng tài sản được áp dụng riêng biệt với thuế đối với thu nhập hoặc lợi nhuận;
 - iii. thuế đối với tài sản ròng;được đánh thay mặt một Bên; và
 - b. đối với các loại thuế sau:
 - i. thuế đối với thu nhập, lợi nhuận, thu nhập từ chuyển nhượng tài sản hoặc tài sản ròng được đánh thay mặt các chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của một Bên;
 - ii. các khoản đóng góp an sinh xã hội bắt buộc phải trả cho chính phủ nói chung hoặc cho các tổ chức an sinh xã hội được thành lập theo luật công, và
 - iii. các loại thuế khác, ngoại trừ thuế hải quan, được đánh thay mặt cho một Bên, cụ thể là:
 - A. thuế di sản, thừa kế hoặc quà tặng,
 - B. thuế đối với bất động sản,
 - C. thuế tiêu dùng nói chung, như thuế giá trị gia tăng hoặc thuế bán hàng,
 - D. các loại thuế cụ thể đối với hàng hóa và dịch vụ như thuế tiêu thụ đặc biệt,
 - E. các loại thuế đánh vào việc sử dụng hoặc quyền sở hữu xe cơ giới,
 - F. các loại thuế đánh vào việc sử dụng hoặc quyền sở hữu động sản không phải là xe cơ giới,

G. bất kỳ loại thuế nào khác.

iv. các loại thuế khác được đề cập tại điểm iii ở trên được đánh thay mặt cho các chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của một Bên.

2. Các loại thuế hiện hành mà Hiệp định sẽ áp dụng được liệt kê tại Phụ lục A trong các loại được đề cập tại khoản 1.

3. Các Bên sẽ thông báo cho Tổng thư ký của Hội đồng Châu Âu hoặc Tổng thư ký của OECD (sau đây gọi là “Cơ quan lưu chiều”) về bất kỳ thay đổi nào được thực hiện theo Phụ lục A do sửa đổi danh sách được đề cập tại khoản 2. Sự thay đổi đó sẽ có hiệu lực thi hành vào ngày đầu tiên của tháng sau khi hết hạn ba tháng sau ngày nhận được thông báo đó của Cơ quan lưu chiều.

4. Hiệp định cũng sẽ được áp dụng, kể từ khi thông qua, đối với bất kỳ loại thuế nào giống hoặc thực chất tương tự như các loại thuế được áp dụng tại một Nước ký kết sau khi Hiệp định có hiệu lực đối với Bên đó để bổ sung hoặc thay các loại thuế hiện hành được liệt kê tại Phụ lục A và, trong trường hợp đó, Bên liên quan sẽ thông báo cho một trong các Cơ quan lưu chiều về việc thông qua loại thuế đó.

Chương II – Các định nghĩa chung

Điều 3 – Các định nghĩa

1. Theo nội dung của Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác:

a. các thuật ngữ “Nước đề nghị” và “Nước được yêu cầu” tương ứng có nghĩa là bất kỳ Bên nào đề nghị hỗ trợ hành chính về các vấn đề thuế và bất kỳ Bên nào được yêu cầu cung cấp sự hỗ trợ đó;

b. thuật ngữ “thuế” có nghĩa là bất kỳ khoản đóng góp thuế hoặc an sinh xã hội nào mà Hiệp định áp dụng theo Điều 2;

c. thuật ngữ “khoản nợ thuế” có nghĩa là bất kỳ khoản thuế nào, cũng như tiền lãi, tiền phạt hành chính liên quan và chi phí phát sinh, có thể nợ và chưa trả;

d. thuật ngữ “nhà chức trách có thẩm quyền” có nghĩa là các đối tượng và các nhà chức trách được liệt kê tại Phụ lục B;

e. thuật ngữ “đối tượng mang quốc tịch” liên quan đến một Bên có nghĩa là:

i. tất cả các cá nhân mang quốc tịch của Bên đó, và

ii. tất cả các pháp nhân, hợp danh, hiệp hội và các thực thể khác có tư cách theo luật pháp có hiệu lực tại một Bên.

Đối với mỗi Bên đã tuyên bố cho mục đích đó, các thuật ngữ được sử dụng ở trên sẽ được hiểu như được định nghĩa tại Phụ lục C.

2. Liên quan đến việc áp dụng Hiệp định của một Bên, bất kỳ thuật ngữ nào chưa được định nghĩa trong Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác, sẽ có nghĩa theo như định nghĩa trong luật của Bên đó đối với các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng.

3. Các Bên sẽ thông báo cho một trong các Cơ quan lưu chiểu về bất kỳ thay đổi nào được thực hiện theo các Phụ lục B và C. Thay đổi đó sẽ có hiệu lực thi hành vào ngày đầu tiên của tháng sau khi hết hạn ba tháng sau ngày nhận được thông báo của Cơ quan lưu chiểu về thay đổi đó.

Chương III - Các hình thức hỗ trợ

Phần I - Trao đổi thông tin

Điều 4 – Quy định chung

1. Các Bên sẽ trao đổi bất kỳ thông tin nào, đặc biệt như được quy định trong phần này, được thấy trước là liên quan đến việc quản lý hoặc cưỡng chế thi hành luật pháp trong nước của họ liên quan đến các loại thuế được quy định trong Hiệp định này.

2. Đã xóa.

3. Bất kỳ Bên nào cũng có thể, bằng một tuyên bố gửi cho một trong các Cơ quan lưu chiểu, chỉ ra rằng, theo luật pháp nội bộ của mình, các nhà chức trách của họ có thể thông báo cho đối tượng cư trú hoặc công dân của mình trước khi cung cấp thông tin liên quan đến đối tượng đó, phù hợp với các Điều 5 và 7.

Điều 5 - Trao đổi thông tin theo yêu cầu

1. Theo yêu cầu của Nước đề nghị, Nước được yêu cầu sẽ cung cấp cho Nước đề nghị bất kỳ thông tin nào được nêu trong Điều 4 liên quan đến các đối tượng hoặc giao dịch cụ thể.

2. Nếu thông tin có sẵn trong hồ sơ thuế của Nước được yêu cầu không đủ để cho phép Nước được yêu cầu tuân thủ yêu cầu cung cấp thông tin, Nước đó sẽ thực hiện tất cả các biện pháp có liên quan để cung cấp cho Nước đề nghị thông tin được yêu cầu.

Điều 6 - Trao đổi thông tin tự động

Đối với các loại trường hợp và theo các thủ tục mà sẽ xác định theo thỏa thuận chung, hai hoặc nhiều Bên sẽ tự động trao đổi thông tin được nêu tại Điều 4.

Điều 7 - Trao đổi thông tin tự nguyện

1. Một Bên sẽ, không có yêu cầu trước, chuyển tiếp thông tin đến Bên kia mà họ có sự hiểu biết về các trường hợp sau:

- a. Bên thứ nhất có căn cứ để cho rằng có thể có tổn thất về thuế ở Bên kia;
- b. một đối tượng chịu thuế có được giảm hoặc miễn thuế ở Bên thứ nhất sẽ làm tăng thuế hoặc tăng nghĩa vụ thuế tại Bên kia;
- c. giao dịch kinh doanh giữa một đối tượng chịu thuế ở một Bên và một đối tượng chịu thuế ở Bên kia được thực hiện thông qua một hoặc nhiều nước theo cách tiết kiệm thuế có thể dẫn đến một hoặc một Bên khác hoặc cả hai Bên;
- d. Một Bên có cơ sở cho rằng việc tiết kiệm thuế có thể xuất phát từ việc chuyển lợi nhuận giả tạo trong tập đoàn của doanh nghiệp;

- e. thông tin được chuyển cho Bên thứ nhất bởi Bên kia đã cho phép thu thập thông tin có thể liên quan đến việc xác định nghĩa vụ thuế tại Bên kia.
2. Mỗi Bên sẽ thực hiện các biện pháp đó và thực hiện các quy trình đó là cần thiết để đảm bảo thông tin được mô tả tại khoản 1 sẽ có sẵn để cung cấp cho Bên kia.

Điều 8 - Kiểm tra thuế đồng thời

1. Theo yêu cầu của một trong số các Bên, hai hoặc nhiều Bên sẽ tham khảo ý kiến của nhau cho các mục đích xác định các trường hợp và thủ tục kiểm tra thuế đồng thời. Mỗi Bên liên quan sẽ quyết định có muốn tham gia một cuộc kiểm tra thuế đồng thời cụ thể hay không.
2. Vì các mục đích của Hiệp định này, kiểm tra thuế đồng thời có nghĩa là một thỏa thuận giữa hai hoặc nhiều Bên để kiểm tra đồng thời mỗi bên trong lãnh thổ của bên đó, các vấn đề thuế của một đối tượng hoặc các đối tượng mà họ có lợi ích chung hoặc liên quan, với một quan điểm để trao đổi bất kỳ thông tin có liên quan mà họ có được.

Điều 9 - Kiểm tra thuế ở nước ngoài

1. Theo yêu cầu của nhà chức trách có thẩm quyền của Nước đề nghị, nhà chức trách có thẩm quyền của Nước được yêu cầu có thể cho phép đại diện của nhà chức trách có thẩm quyền của Nước đề nghị có mặt tại phần thích hợp của cuộc kiểm tra thuế tại Nước được yêu cầu.
2. Nếu yêu cầu được đồng ý, nhà chức trách có thẩm quyền của Nước được yêu cầu, càng sớm càng tốt, thông báo cho nhà chức trách có thẩm quyền của Nước đề nghị về thời gian và địa điểm kiểm tra, nhà chức trách có thẩm quyền hoặc công chức được chỉ định thực hiện kiểm tra và các thủ tục và điều kiện theo yêu cầu của Nước được yêu cầu cho việc tiến hành kiểm tra. Tất cả các quyết định liên quan đến việc tiến hành kiểm tra thuế sẽ được đưa ra bởi Nước được yêu cầu.
3. Một Bên có thể thông báo cho một trong các Cơ quan lưu chiều về ý định không chấp nhận, theo nguyên tắc chung, các yêu cầu được đề cập tại khoản 1. Tuyên bố đó có thể được đưa ra hoặc rút lại bất cứ lúc nào.

Điều 10 - Thông tin mâu thuẫn

Nếu một Bên nhận được thông tin từ một Bên khác về các vấn đề thuế của một đối tượng có vẻ như mâu thuẫn với thông tin mà họ nắm giữ, thì Bên đó sẽ thông báo cho Bên đã cung cấp thông tin.

Phần II - Hỗ trợ thu hồi nợ

Điều 11 - Thu hồi nợ thuế

1. Theo yêu cầu của Nước đề nghị, Nước được yêu cầu sẽ theo các quy định tại các Điều 14 và 15, thực hiện các bước cần thiết để thu hồi nợ thuế của Nước đề nghị như thể đó là khoản nợ thuế của chính mình.
2. Quy định của khoản 1 sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản nợ thuế tạo thành đối tượng của một công cụ cho phép họ cưỡng chế tại Nước đề nghị và, trừ khi có thỏa

thuận khác giữa các Bên liên quan, mà không khiếu nại. Tuy nhiên, trong trường hợp khoản nợ gây bất lợi cho một đối tượng không phải là đối tượng cư trú của Nước đề nghị, khoản 1 sẽ chỉ được áp dụng, trừ khi có thỏa thuận khác giữa các Bên liên quan, khi yêu cầu có thể không còn khiếu nại nữa.

3. Nghĩa vụ cung cấp hỗ trợ trong việc thu hồi nợ thuế liên quan đến người đã chết hoặc di sản của anh ta, được giới hạn ở giá trị của di sản hoặc tài sản mà mỗi người thụ hưởng di sản có được, tùy theo việc liệu khoản nợ này sẽ được thu hồi từ di sản hoặc từ những người hưởng lợi của di sản.

Điều 12 - Các biện pháp đảm bảo

Theo yêu cầu của Nước đề nghị, Nước được yêu cầu, với mục đích thu hồi một khoản thuế, thực hiện các biện pháp đảm bảo ngay cả khi khoản nợ thuế đang có tranh chấp hoặc chưa phải là đối tượng của một công cụ cho phép cưỡng chế.

Điều 13 - Tài liệu kèm theo yêu cầu

1. Yêu cầu hỗ trợ hành chính trong phần này sẽ được cung cấp kèm theo:
 - a. một tuyên bố rằng khoản nợ thuế liên quan đến một loại thuế được quy định trong Hiệp định và, trong trường hợp thu hồi, theo khoản 2 của Điều 11, khoản nợ thuế không hoặc không thể bị tranh chấp,
 - b. một bản sao chính thức của công cụ cho phép cưỡng chế tại Nước đề nghị, và
 - c. bất kỳ tài liệu nào khác cần thiết để thu hồi hoặc các biện pháp đảm bảo.
2. Công cụ cho phép cưỡng chế tại Nước đề nghị, khi thích hợp và phù hợp với các quy định có hiệu lực tại Nước được yêu cầu, phải được chấp nhận, công nhận, bổ sung hoặc thay thế càng sớm càng tốt sau ngày nhận được yêu cầu hỗ trợ, bởi một công cụ cho phép cưỡng chế tại Nước được yêu cầu.

Điều 14 - Giới hạn thời gian

1. Các vấn đề liên quan đến bất kỳ khoảng thời gian nào mà một khoản nợ thuế không thể được thi hành sẽ được điều chỉnh theo luật của Nước đề nghị. Yêu cầu hỗ trợ sẽ cung cấp các chi tiết liên quan đến khoảng thời gian đó.
2. Các hành động thu hồi được thực hiện bởi Nước được yêu cầu theo yêu cầu hỗ trợ, theo các luật của Nước đó, sẽ có hiệu lực đình chỉ hoặc gián đoạn khoảng thời gian được đề cập tại khoản 1, cũng sẽ có hiệu lực theo các luật của Nước đề nghị. Nước được yêu cầu sẽ thông báo cho Nước đề nghị về các hành động đó.
3. Trong mọi trường hợp, Nước được yêu cầu không bắt buộc phải tuân thủ yêu cầu hỗ trợ được gửi sau khoảng thời gian 15 năm kể từ ngày của công cụ ban đầu cho phép cưỡng chế.

Điều 15 - Ưu tiên

Khoản nợ thuế trong việc thu hồi của hỗ trợ được cung cấp sẽ không có tại Nước được yêu cầu bất kỳ ưu tiên đặc biệt nào phù hợp với khoản nợ thuế của Nước đó ngay cả khi quy trình thu hồi được sử dụng có thể áp dụng cho khoản nợ thuế của chính nước đó.

Điều 16 - Trì hoãn thanh toán

Nước được yêu cầu có thể cho phép hoãn thanh toán hoặc thanh toán theo từng đợt nếu luật pháp hoặc thông lệ hành chính của Nước được yêu cầu cho phép họ thực hiện trong trường hợp tương tự, nhưng trước tiên sẽ thông báo cho Nước đề nghị.

Mục III – Gửi tài liệu

Điều 17 - Gửi tài liệu

1. Theo yêu cầu của Nước đề nghị, Nước được yêu cầu sẽ gửi các tài liệu của người nhận, bao gồm cả những tài liệu liên quan đến các phán quyết của tòa án, xuất phát từ Nước đề nghị và liên quan đến thuế được quy định trong Hiệp định này.
2. Nước được yêu cầu sẽ thực hiện hỗ trợ gửi tài liệu:
 - a. bằng một phương pháp được luật pháp trong nước quy định để gửi các tài liệu có bản chất tương tự nhau;
 - b. trong phạm vi có thể, bằng một phương pháp cụ thể được Nước đề nghị yêu cầu hoặc gần nhất với phương pháp có sẵn theo luật của Nước được yêu cầu.
3. Một Bên có thể thực hiện gửi tài liệu trực tiếp thông qua bưu điện cho một đối tượng trong lãnh thổ của Bên kia.
4. Không có nội dung nào trong Hiệp định được hiểu là vô hiệu hóa bất kỳ việc gửi tài liệu nào của một Bên theo quy định của các luật nước mình.
5. Khi một tài liệu được gửi theo điều này, nó không cần phải đi kèm với một bản dịch. Tuy nhiên, khi cảm thấy người nhận không thể hiểu ngôn ngữ của tài liệu, Nước được yêu cầu sẽ sắp xếp để dịch sang hoặc tóm tắt bản dự thảo bằng ngôn ngữ chính thức của mình. Ngoài ra, Nước được yêu cầu có thể yêu cầu Nước đề nghị dịch tài liệu hoặc kèm theo một bản dịch tóm tắt bằng một trong các ngôn ngữ chính thức của Nước được yêu cầu, Hội đồng Châu Âu hoặc OECD.

Chương IV - Các quy định liên quan đến tất cả các hình thức hỗ trợ

Điều 18 - Thông tin được Nước đề nghị cung cấp

1. Khi thích hợp yêu cầu hỗ trợ sẽ chỉ ra:
 - a. nhà chức trách hoặc cơ quan khởi xướng yêu cầu được thực hiện bởi nhà chức trách có thẩm quyền;
 - b. tên, địa chỉ hoặc bất kỳ chi tiết nào khác giúp xác định đối tượng liên quan đến yêu cầu được thực hiện;
 - c. trong trường hợp yêu cầu cung cấp thông tin, mẫu mà Nước đề nghị muốn thông tin được cung cấp để đáp ứng nhu cầu của họ;
 - d. trong trường hợp của yêu cầu hỗ trợ thu hồi nợ thuế hoặc các biện pháp đảm bảo, bản chất của khoản nợ thuế, các thành phần của khoản nợ thuế và các tài sản mà từ đó khoản nợ thuế có thể được thu hồi;

- e. trong trường hợp yêu cầu hỗ trợ gửi tài liệu, bản chất và nội dung của tài liệu sẽ được gửi;
 - f. liệu yêu cầu có phù hợp với pháp luật và thực tiễn hành chính của Nước đề nghị hay không và liệu yêu cầu có hợp lý theo các yêu cầu của Điều 21.2.g.
2. Ngay khi có bất kỳ thông tin nào khác liên quan đến yêu cầu hỗ trợ đến với kiến thức của mình, Nước đề nghị sẽ chuyển tiếp đến Nước được yêu cầu.

Điều 19 - Đã xóa

Điều 20 - Phản hồi yêu cầu hỗ trợ

1. Nếu yêu cầu hỗ trợ được tuân thủ, Nước được yêu cầu sẽ thông báo cho Nước đề nghị về hành động được thực hiện và kết quả của hỗ trợ càng sớm càng tốt.
2. Nếu yêu cầu bị từ chối, Nước được yêu cầu sẽ thông báo cho Nước đề nghị về quyết định đó và lý do từ chối đó càng sớm càng tốt.
3. Nếu, đối với yêu cầu cung cấp thông tin, Nước đề nghị đã chỉ định biểu mẫu mà họ muốn cung cấp thông tin và Nước được yêu cầu có thể làm như vậy, Nước được yêu cầu sẽ cung cấp theo mẫu được yêu cầu.

Điều 21 - Bảo vệ các đối tượng và giới hạn đối với nghĩa vụ hỗ trợ

1. Không có nội dung nào trong Hiệp định này sẽ ảnh hưởng đến các quyền và biện pháp bảo đảm được bảo đảm cho mọi đối tượng theo luật pháp hoặc thực tiễn hành chính của Nước được yêu cầu.
2. Trừ trường hợp của Điều 14, các quy định của Hiệp định này sẽ không được hiểu là áp đặt đối với Nước được yêu cầu nghĩa vụ:
 - a. thực hiện các biện pháp trái với luật pháp hoặc thực tiễn hành chính của chính mình hoặc pháp luật hoặc thực tiễn hành chính của Nước đề nghị;
 - b. thực hiện các biện pháp trái với chính sách công (trật tự công);
 - c. cung cấp thông tin không thể có được theo các luật riêng hoặc thông lệ hành chính của mình hoặc theo luật của Nước đề nghị hoặc thực tiễn hành chính của Nước đó;
 - d. cung cấp thông tin có thể tiết lộ bất kỳ bí mật về mua bán, kinh doanh, công nghiệp, thương mại hoặc bí mật nghề nghiệp, hoặc các quy trình kinh doanh, hoặc cung cấp thông tin mà việc tiết lộ chúng có thể trái với chính sách công (trật tự công);
 - e. cung cấp hỗ trợ hành chính nếu và trong trường hợp coi thuế ở Nước đề nghị trái với các nguyên tắc thuế được chấp nhận chung hoặc theo các quy định của một Hiệp định tránh đánh thuế hai lần, hoặc bất kỳ Hiệp định nào khác mà Nước được yêu cầu đã ký kết với Nước đề nghị;
 - f. cung cấp hỗ trợ hành chính cho mục đích quản lý hoặc cưỡng chế thi hành luật thuế của Nước đề nghị, hoặc bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến việc hỗ trợ đó, mà phân biệt đối xử với một đối tượng mang quốc tịch của Nước được yêu cầu so với một đối tượng mang quốc tịch của Nước đề nghị trong cùng hoàn cảnh;

g. cung cấp hỗ trợ hành chính nếu Nước đề nghị không theo đuổi tất cả các biện pháp hợp lý có sẵn theo luật pháp hoặc thông lệ hành chính của mình, trừ khi trông cậy vào các biện pháp đó sẽ dẫn đến khó khăn không tương xứng;

h. cung cấp hỗ trợ trong việc thu hồi trong những trường hợp mà gánh nặng hành chính đối với Nước đó rõ ràng không tương xứng với lợi ích mà Nước đề nghị có được.

3. Nếu thông tin do Nước đề nghị yêu cầu phù hợp với Hiệp định này, Nước được yêu cầu sẽ sử dụng các biện pháp thu thập thông tin của mình để có được các thông tin theo yêu cầu, mặc dù Nước được yêu cầu có thể không cần các thông tin như vậy cho các mục đích thuế của mình. Nghĩa vụ được quy định tại câu trên phụ thuộc vào các giới hạn trong Hiệp định này, nhưng trong mọi trường hợp, các giới hạn này, kể cả các khoản 1 và 2, không có nghĩa là cho phép Nước được yêu cầu từ chối việc cung cấp thông tin chỉ vì Nước đó không có lợi ích trong nước đối với các thông tin như vậy.

4. Không có trường hợp nào mà các quy định của Hiệp định này, bao gồm cả các khoản 1 và 2, được hiểu là cho phép Nước được yêu cầu từ chối cung cấp thông tin chỉ vì thông tin do một ngân hàng, tổ chức tài chính khác, đối tượng được chỉ định hoặc đối tượng với tư cách đại lý hoặc đối tượng được ủy thác khác nắm giữ hoặc chỉ vì thông tin có liên quan tới các lợi ích về sở hữu trong một đối tượng.

Điều 22 - Bí mật

1. Mọi thông tin mà một Bên có được theo Hiệp định này sẽ được giữ bí mật và được bảo vệ theo cách tương tự thông tin có được theo nội luật của Bên đó và, trong phạm vi cần thiết để đảm bảo mức độ cần thiết của bảo vệ dữ liệu cá nhân, phù hợp với các biện pháp bảo đảm có thể được chỉ định bởi Bên cung cấp theo yêu cầu theo luật pháp trong nước của mình.

2. Thông tin đó trong mọi trường hợp chỉ được tiết lộ cho các đối tượng hoặc cơ quan chức năng (bao gồm cả tòa án và cơ quan hành chính hoặc cơ quan giám sát) có liên quan đến việc tính toán hoặc thu, cưỡng chế hoặc truy tố hoặc xác định các khiếu nại về các loại thuế của Bên đó, hoặc giám sát các nội dung trên. Chỉ những đối tượng hoặc cơ quan chức năng nêu trên mới có thể sử dụng các thông tin đó và sau đó chỉ cho các mục đích nêu trên. Mặc dù có các quy định tại khoản 1, các đối tượng hoặc các cơ quan chức năng đó có thể tiết lộ các thông tin này trong quá trình tố tụng công khai của tòa án hoặc trong các quyết định của tòa án liên quan đến các loại thuế đó.

3. Nếu một Bên đã thực hiện bảo lưu quy định tại điểm a khoản 1 của Điều 30, bất kỳ Bên nào khác có được thông tin từ Bên đó sẽ không sử dụng thông tin đó cho mục đích thuế trong danh mục bảo lưu. Tương tự, Bên thực hiện bảo lưu như vậy sẽ không sử dụng thông tin có được theo Hiệp định này cho mục đích thuế trong danh mục bảo lưu.

4. Mặc dù có các quy định tại các khoản 1, 2 và 3, thông tin mà một Bên nhận được có thể được sử dụng cho các mục đích khác khi thông tin đó có thể được sử dụng cho các mục đích khác theo các luật của Bên cung cấp và nhà chức trách có

thẩm quyền của Bên đó cho phép sử dụng như vậy. Thông tin được một Bên cung cấp cho một Bên khác có thể được Bên thứ ba cung cấp lại, theo sự cho phép trước của nhà chức trách có thẩm quyền của Bên thứ nhất.

Điều 23 - Thủ tục tố tụng

1. Các thủ tục liên quan đến các biện pháp được thực hiện theo Hiệp định này của Nước được yêu cầu chỉ được đưa ra trước cơ quan thích hợp của Nước đó.

2. Các thủ tục liên quan đến các biện pháp được thực hiện theo Hiệp định này của Nước đề nghị, đặc biệt là các biện pháp trong lĩnh vực thu hồi nợ, liên quan đến sự tồn tại hoặc số tiền của khoản nợ thuế hoặc công cụ cho phép cưỡng chế, chỉ được đưa ra trước cơ quan thích hợp của Nước đó. Nếu các thủ tục tố tụng đó được đưa ra, Nước đề nghị sẽ thông báo cho Nước được yêu cầu mà sẽ đình chỉ thủ tục chờ quyết định của cơ quan đó.

Tuy nhiên, Nước được yêu cầu, nếu được yêu cầu bởi Nước đề nghị, sẽ thực hiện các biện pháp bảo đảm để bảo vệ khoản thu hồi. Nước được yêu cầu cũng có thể được thông báo về các thủ tục tố tụng đó bởi bất kỳ đối tượng nào quan tâm. Khi nhận được thông tin đó, Nước được yêu cầu sẽ tham khảo ý kiến về vấn đề này, với Nước đề nghị, nếu cần thiết.

3. Ngay sau khi có quyết định cuối cùng về quá trình tố tụng, Nước được yêu cầu hoặc Nước đề nghị, tùy theo trường hợp, sẽ thông báo cho Nước kia về quyết định đó và những hàm ý của yêu cầu hỗ trợ.

Chương V – Quy định đặc biệt

Điều 24 - Thực hiện Hiệp định

1. Các Bên sẽ liên lạc với nhau để thực hiện Hiệp định này thông qua các nhà chức trách có thẩm quyền tương ứng. Các nhà chức trách có thẩm quyền có thể liên lạc trực tiếp cho mục đích này và có thể ủy quyền cho các cơ quan cấp dưới hành động thay mặt họ. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai hoặc nhiều Bên có thể cùng thỏa thuận về phương thức áp dụng Hiệp định.

2. Trường hợp Nước được yêu cầu cho rằng việc áp dụng Hiệp định này trong một trường hợp cụ thể sẽ gây ra hậu quả nghiêm trọng và không mong muốn, các nhà chức trách có thẩm quyền của Nước được yêu cầu và Nước đề nghị sẽ tham khảo ý kiến của nhau và nỗ lực giải quyết tình huống đó bằng thỏa thuận chung.

3. Một cơ quan điều phối bao gồm đại diện của các nhà chức trách có thẩm quyền của các Bên sẽ giám sát việc thực hiện và phát triển Hiệp định này, dưới sự bảo trợ của OECD. Do đó, cơ quan điều phối sẽ khuyến nghị mọi hành động có khả năng tiếp tục các mục tiêu chung của Hiệp định. Cụ thể, cơ quan này sẽ hoạt động như một diễn đàn để nghiên cứu các phương pháp và thủ tục mới để tăng cường hợp tác quốc tế về các vấn đề thuế và, khi thích hợp, cơ quan này có thể đề nghị xem lại hoặc sửa đổi Hiệp định. Các Nước đã ký nhưng chưa phê chuẩn, chấp nhận hoặc phê duyệt Hiệp định có quyền được đại diện tại các cuộc họp của cơ quan điều phối với tư cách quan sát viên.

4. Một Bên có thể yêu cầu cơ quan điều phối đưa ra các ý kiến về việc giải thích các quy định của Hiệp định.
5. Khi có khó khăn hoặc vướng mắc giữa hai hoặc nhiều Bên liên quan đến việc thực hiện hoặc giải thích Hiệp định, các nhà chức trách có thẩm quyền của các Bên đó sẽ nỗ lực giải quyết vấn đề bằng thỏa thuận chung. Thỏa thuận sẽ được thông báo cho cơ quan điều phối.
6. Tổng thư ký của OECD sẽ thông báo cho các Bên và các Nước ký kết chưa phê chuẩn, chấp nhận hoặc phê duyệt Hiệp định về các ý kiến của cơ quan điều phối theo các quy định của khoản 4 nêu trên và các thỏa thuận chung đạt được theo khoản 5 nêu trên.

Điều 25 - Ngôn ngữ

Các yêu cầu hỗ trợ và trả lời sẽ được soạn thảo bằng một trong những ngôn ngữ chính thức của OECD và của Hội đồng Châu Âu hoặc bằng bất kỳ ngôn ngữ nào khác được thỏa thuận song phương giữa các Nước ký kết liên quan.

Điều 26 - Chi phí

Trừ khi có thỏa thuận song phương giữa các Bên liên quan:

- a. chi phí thông thường phát sinh trong việc cung cấp hỗ trợ sẽ do Nước được yêu cầu chịu;
- b. chi phí bất thường phát sinh trong việc cung cấp hỗ trợ sẽ do Nước đề nghị chịu.

Chương VI – Quy định cuối cùng

Điều 27 - Các thỏa thuận hoặc thỏa thuận quốc tế khác

1. Khả năng hỗ trợ theo quy định của Hiệp định này không giới hạn, cũng không bị giới hạn bởi những điều khoản có trong các thỏa thuận quốc tế hiện tại hoặc tương lai hoặc các thỏa thuận khác giữa các Bên liên quan hoặc các công cụ khác liên quan đến hợp tác về các vấn đề thuế.
2. Mặc dù có quy định tại khoản 1, các Bên là các Nước thành viên của Liên minh Châu Âu có thể áp dụng, trong các mối quan hệ song phương của họ, các khả năng hỗ trợ theo quy định của Hiệp định trong một chừng mực mà họ cho phép hợp tác rộng hơn so với các khả năng do áp dụng các quy tắc của Liên minh châu Âu.

Điều 28 - Ký và hiệu lực của Hiệp định

1. Hiệp định này sẽ được mở để ký bởi các Nước thành viên của Hội đồng châu Âu và các nước thành viên của OECD. Hiệp định có thể được phê chuẩn, chấp nhận hoặc phê duyệt. Các công cụ phê chuẩn, chấp nhận hoặc phê duyệt sẽ được gửi cho một trong các Cơ quan lưu trữ.
2. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày đầu tiên của tháng sau khi hết thời hạn ba tháng kể từ ngày mà Nước bày tỏ sự đồng ý của họ để bị ràng buộc bởi Hiệp định theo các quy định của khoản 1.

3. Đối với bất kỳ Nước thành viên nào của Hội đồng Châu Âu hoặc bất kỳ nước thành viên nào của OECD sau đó bày tỏ sự đồng ý bị ràng buộc bởi Hiệp định, Hiệp định sẽ có hiệu lực vào ngày đầu tiên của tháng sau khi hết hạn ba tháng sau ngày gửi công cụ phê chuẩn, chấp nhận hoặc phê duyệt.
4. Bất kỳ Nước thành viên nào của Hội đồng Châu Âu hoặc bất kỳ nước thành viên nào của OECD trở thành một Bên của Hiệp định sau khi Nghị định thư sửa đổi Hiệp định này có hiệu lực, đã được mở để ký vào ngày 27 tháng 5 năm 2010 (“Nghị định thư năm 2010”), sẽ là một Bên tham gia Hiệp định được sửa đổi bởi Nghị định thư đó, trừ khi họ bày tỏ một ý định khác trong một giao tiếp bằng văn bản với một trong các Cơ quan lưu chiểu.
5. Sau khi Nghị định thư năm 2010 có hiệu lực, bất kỳ Nước nào không phải là thành viên của Hội đồng châu Âu hoặc của OECD đều có thể yêu cầu được mời ký và phê chuẩn Hiệp định này như được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 2010. Bất kỳ yêu cầu nào đối với hiệu ứng này sẽ được gửi đến một trong các Cơ quan lưu chiểu, là cơ quan sẽ chuyển yêu cầu cho các Bên. Cơ quan lưu chiểu cũng sẽ thông báo cho Ủy ban Bộ trưởng của Hội đồng châu Âu và Hội đồng OECD. Quyết định mời các Nước yêu cầu trở thành thành viên của Hiệp định này sẽ được các Bên tham gia Hiệp định đồng ý thông qua cơ quan điều phối. Đối với bất kỳ Nước nào phê chuẩn Hiệp định được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 2010 theo khoản này, Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày đầu tiên của tháng sau khi hết hạn ba tháng sau ngày gửi văn kiện phê chuẩn cho một trong các Cơ quan lưu chiểu.
6. Các quy định của Hiệp định này, được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 2010, sẽ có hiệu lực thi hành đối với hỗ trợ hành chính liên quan đến các giai đoạn chịu thuế bắt đầu vào ngày hoặc sau ngày 01 tháng Một của năm sau năm Hiệp định được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 2010 có hiệu lực đối với một Bên, hoặc khi không có giai đoạn chịu thuế, đối với hỗ trợ hành chính liên quan đến các khoản nợ thuế phát sinh vào ngày hoặc sau ngày 01 tháng Một của năm sau năm Hiệp định được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 2010 có hiệu lực đối với một Bên. Bất kỳ hai hoặc nhiều Bên có thể đồng ý rằng Hiệp định được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 2010, sẽ có hiệu lực thi hành đối với hỗ trợ hành chính liên quan đến các giai đoạn chịu thuế trước đó hoặc các khoản nợ thuế.
7. Mặc dù có quy định tại khoản 6, đối với các vấn đề thuế liên quan đến hành vi cố ý có thể bị truy tố theo luật hình sự của Bên đề nghị, các quy định của Hiệp định này, được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 2010, sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày có hiệu lực đối với một Bên liên quan đến các giai đoạn chịu thuế trước đó hoặc các khoản nợ thuế.

Điều 29 - Áp dụng lãnh thổ của Hiệp định

1. Mỗi Nước có thể, tại thời điểm ký, hoặc khi ký văn kiện phê chuẩn, chấp nhận hoặc phê duyệt, chỉ định lãnh thổ hoặc các lãnh thổ mà Hiệp định này sẽ áp dụng.
2. Bất kỳ Nước nào cũng có thể, vào bất kỳ ngày nào sau đó, bằng một tuyên bố gửi đến một trong các Cơ quan lưu chiểu, mở rộng việc áp dụng Hiệp định này đối

với bất kỳ lãnh thổ nào khác được ghi rõ trong tuyên bố. Đối với lãnh thổ đó, Hiệp định sẽ có hiệu lực vào ngày đầu tiên của tháng sau khi hết hạn ba tháng sau ngày nhận được tuyên bố đó của Cơ quan lưu chiều.

3. Bất kỳ tuyên bố nào được thực hiện theo một trong hai khoản nêu trên có thể, đối với bất kỳ lãnh thổ nào được ghi rõ trong tuyên bố đó, đều được rút lại bằng một thông báo gửi đến một trong các Cơ quan lưu chiều. Việc rút lại tuyên bố sẽ có hiệu lực vào ngày đầu tiên của tháng sau khi hết hạn ba tháng sau ngày Cơ quan lưu chiều nhận được thông báo như vậy.

Điều 30 - Bảo lưu

1. Bất kỳ Nước nào cũng có thể, tại thời điểm ký hoặc khi gửi văn bản phê chuẩn, chấp nhận hoặc phê duyệt hoặc vào bất kỳ ngày nào sau đó, tuyên bố rằng họ bảo lưu quyền:

a. không cung cấp bất kỳ hình thức hỗ trợ nào liên quan đến thuế của các Bên khác trong bất kỳ danh mục nào được liệt kê tại điểm b khoản 1 của Điều 2, với điều kiện là nó không bao gồm bất kỳ thuế nội địa nào trong danh mục đó theo Phụ lục A của Hiệp định;

b. không cung cấp hỗ trợ trong việc thu hồi bất kỳ khoản nợ thuế nào, hoặc thu hồi tiền phạt hành chính, đối với tất cả các loại thuế hoặc chỉ đối với các loại thuế trong một hoặc nhiều danh mục được liệt kê tại khoản 1 của Điều 2;

c. không cung cấp hỗ trợ đối với bất kỳ khoản nợ thuế nào đang tồn tại vào ngày Hiệp định có hiệu lực đối với Nước đó hoặc, khi đã bảo lưu theo điểm a hoặc b ở trên, vào ngày rút một bảo lưu như vậy liên quan đến thuế trong danh mục được đề cập;

d. không cung cấp hỗ trợ trong hỗ trợ gửi tài liệu đối với tất cả các loại thuế hoặc chỉ đối với các loại thuế trong một hoặc nhiều danh mục được liệt kê tại khoản 1 của Điều 2;

e. không cho phép gửi tài liệu qua bưu điện theo quy định tại khoản 3 của Điều 17;

f. áp dụng khoản 7 của Điều 28 dành riêng cho hỗ trợ hành chính liên quan đến các giai đoạn chịu thuế bắt đầu vào ngày hoặc sau ngày 01 tháng Một năm thứ ba trước năm Hiệp định được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 2010, có hiệu lực đối với một Bên, hoặc trong trường hợp không có thời hạn chịu thuế, đối với hỗ trợ hành chính liên quan đến các khoản nợ thuế phát sinh vào ngày hoặc sau ngày 01 tháng Một của năm thứ ba trước năm Hiệp định được sửa đổi bởi Nghị định thư năm 2010, có hiệu lực đối với một Bên.

2. Không có bảo lưu nào khác có thể được thực hiện.

3. Sau khi Hiệp định có hiệu lực đối với một Bên, Bên đó có thể đưa ra một hoặc nhiều bảo lưu được liệt kê tại khoản 1 mà Bên đó không đưa ra tại thời điểm phê chuẩn, chấp nhận hoặc phê duyệt. Các bảo lưu này sẽ có hiệu lực vào ngày đầu tiên của tháng sau khi hết hạn một khoảng thời gian ba tháng sau ngày một trong các Cơ quan lưu chiều nhận được bảo lưu.

4. Bất kỳ Bên nào đã thực hiện bảo lưu theo các khoản 1 và 3 có thể rút toàn bộ hoặc một phần bảo lưu bằng cách gửi thông báo đến một trong các Cơ quan lưu chiều. Việc rút bảo lưu sẽ có hiệu lực thi hành vào ngày Cơ quan lưu chiều nhận được thông báo như vậy.

5. Một Bên đã thực hiện bảo lưu đối với một quy định của Hiệp định này có thể không yêu cầu áp dụng quy định đó bởi bất kỳ Bên nào khác; tuy nhiên, Bên đó có thể, nếu các bảo lưu của mình là một phần, yêu cầu áp dụng quy định đó trong chừng mực Bên đó đã chấp nhận bảo lưu đó.

Điều 31 - Rút khỏi Hiệp định

1. Bất kỳ Bên nào, vào bất cứ lúc nào, cũng có thể rút khỏi Hiệp định này bằng một thông báo gửi đến một trong các Cơ quan lưu chiều.

2. Việc rút khỏi Hiệp định đó sẽ có hiệu lực vào ngày đầu tiên của tháng sau khi hết hạn ba tháng sau ngày Cơ quan lưu chiều nhận được thông báo.

3. Bất kỳ Bên nào rút khỏi Hiệp định sẽ vẫn bị ràng buộc bởi các quy định của Điều 22 miễn là Bên đó sở hữu bất kỳ tài liệu hoặc thông tin nào có được theo Hiệp định.

Điều 32 - Cơ quan lưu chiều và chức năng của họ

1. Cơ quan lưu chiều đã thực hiện một hành động, thông báo hoặc liên lạc, sẽ thông báo cho các Nước thành viên của Hội đồng châu Âu và các nước thành viên của OECD và bất kỳ Bên nào của Hiệp định này về:

- a. bất kỳ bên ký kết nào;
- b. việc gửi bất kỳ công cụ phê chuẩn, chấp nhận hoặc phê duyệt;
- c. bất kỳ ngày có hiệu lực của Hiệp định này theo các quy định của các Điều 28 và 29;
- d. bất kỳ tuyên bố nào được thực hiện theo các quy định của khoản 3 Điều 4 hoặc khoản 3 Điều 9 và rút lại bất kỳ tuyên bố nào;
- e. bất kỳ bảo lưu nào được thực hiện theo các quy định của Điều 30 và việc rút lại bất kỳ bảo lưu nào được thực hiện theo các quy định của khoản 4 Điều 30;
- f. bất kỳ thông báo nào nhận được theo các quy định của khoản 3 hoặc 4 Điều 2, khoản 3 Điều 3, Điều 29 hoặc khoản 1 Điều 31;
- g. bất kỳ hành động, thông báo hoặc liên lạc nào khác liên quan đến Hiệp định này.

2. Cơ quan lưu chiều nhận được thông tin hoặc thông báo theo các quy định của khoản 1 sẽ thông báo ngay cho Cơ quan lưu chiều khác.

Để làm bằng, những người có tên dưới đây, được sự uỷ quyền hợp thức, đã ký vào Hiệp định này.

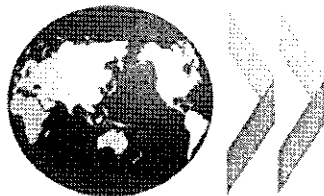
Làm tại Strasbourg ngày 25 tháng 01 năm 1988 thành hai bản bằng tiếng Anh và tiếng Pháp, tất cả các văn bản đều có giá trị như nhau, trong hai bản sao một sẽ được gửi trong kho lưu trữ của Hội đồng Châu Âu và bản sao còn lại gửi trong kho lưu trữ của OECD. Tổng thư ký của Hội đồng Châu Âu và của OECD sẽ chuyển các bản sao có chứng thực cho mỗi Nước thành viên của Hội đồng Châu Âu và các nước thành viên của OECD.

Các Phụ lục - Hiệp định về Hỗ trợ hành chính chung về thuế

Phụ lục A - Các loại thuế mà Hiệp định sẽ áp dụng.

Phụ lục B - Nhà chức trách có thẩm quyền.

Phụ lục C - Định nghĩa của từ “đối tượng mang quốc tịch” cho mục đích của Hiệp định.



Procès-Verbal

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

Convention on Mutual Administrative Assistance in Tax Matters as amended by the Protocol amending the Convention on Mutual Administrative Assistance in Tax Matters

On 22 March 2023, at the headquarters of the Organisation for Economic Co-operation and Development (OECD) in Paris, Mr. Cao Anh Tuan, Deputy Minister of Finance of the Socialist Republic of Viet Nam, signed the:

Convention on Mutual Administrative Assistance in Tax Matters, which was opened for signature in Strasbourg on 25 January 1988, as amended by the Protocol amending the Convention on Mutual Administrative Assistance in Tax Matters, which was opened for signature in Paris on 27 May 2010

and made notifications, reservations and a declaration in connection with this signature.

In witness whereof this procès-verbal has been drawn up and signed by Mr. Yoshiki Takeuchi, OECD Deputy Secretary-General, in two copies, of which one will be deposited in the archives of the OECD and the other transmitted to the representative of the Socialist Republic of Viet Nam.

The Deputy Secretary-General

Yoshiki TAKEUCHI

CONVENTION ON MUTUAL ADMINISTRATIVE ASSISTANCE IN TAX MATTERS

Text amended by the provisions of the Protocol amending the
Convention on Mutual Administrative Assistance in Tax Matters,
which entered into force on 1st June 2011

CONVENTION CONCERNANT L'ASSISTANCE ADMINISTRATIVE EN MATIÈRE FISCALE

Texte amendé conformément aux dispositions du Protocole
d'amendement à la Convention concernant l'assistance administrative
mutuelle en matière fiscale, entré en vigueur le 1^{er} juin 2011.

Preamble

The member States of the Council of Europe and the member countries of the Organisation for Economic Co-operation and Development (OECD), signatories of this Convention,

Considering that the development of international movement of persons, capital, goods and services – although highly beneficial in itself – has increased the possibilities of tax avoidance and evasion and therefore requires increasing co-operation among tax authorities;

Welcoming the various efforts made in recent years to combat tax avoidance and tax evasion on an international level, whether bilaterally or multilaterally;

Considering that a co-ordinated effort between States is necessary in order to foster all forms of administrative assistance in matters concerning taxes of any kind whilst at the same time ensuring adequate protection of the rights of taxpayers;

Recognising that international co-operation can play an important part in facilitating the proper determination of tax liabilities and in helping the taxpayer to secure his rights;

Considering that fundamental principles entitling every person to have his rights and obligations determined in accordance with a proper legal procedure should be recognised as applying to tax matters in all States and that States should endeavour to protect the legitimate interests of taxpayers, including appropriate protection against discrimination and double taxation;

Convinced therefore that States should carry out measures or supply information, having regard to the necessity of protecting the confidentiality of information, and taking account of international instruments for the protection of privacy and flows of personal data;

Considering that a new co-operative environment has emerged and that it is desirable that a multilateral instrument is made available to allow the widest number of States to obtain the benefits of the new co-operative environment and at the same time implement the highest international standards of co-operation in the tax field;

Desiring to conclude a convention on mutual administrative assistance in tax matters,

Have agreed as follows:

Préambule

Les Etats membres du Conseil de l'Europe et les pays membres de l'Organisation de Coopération et de Développement Economiques (OCDE), signataires de la présente Convention,

Considérant que le développement des mouvements internationaux de personnes, de capitaux, de biens et de services – par ailleurs largement bénéfique – a accru les possibilités d'évasion et de fraude fiscales, ce qui nécessite une coopération croissante entre les autorités fiscales;

Prenant note avec satisfaction de tous les efforts déployés au cours des dernières années sur le plan international, que ce soit à titre bilatéral ou multilatéral, pour lutter contre l'évasion et la fraude fiscales;

Considérant qu'une coordination des efforts est nécessaire entre les Etats pour encourager toutes les formes d'assistance administrative en matière fiscale, pour les impôts de toute nature, tout en assurant une protection appropriée des droits des contribuables;

Reconnaissant que la coopération internationale peut jouer un rôle important en facilitant une évaluation correcte des obligations fiscales et en aidant le contribuable à faire respecter ses droits;

Considérant que les principes fondamentaux en vertu desquels toute personne peut, dans la détermination de ses droits et obligations, prétendre à une procédure régulière doivent être reconnus dans tous les Etats comme s'appliquant en matière fiscale et que les Etats devraient s'efforcer de protéger les intérêts légitimes du contribuable, en lui accordant notamment une protection appropriée contre la discrimination et la double imposition;

Convaincus dès lors que les Etats devraient prendre des mesures ou fournir des renseignements en tenant compte de la nécessité de protéger la confidentialité des renseignements ainsi que des instruments internationaux relatifs à la protection de la vie privée et au flux de données de caractère personnel;

Considérant qu'un nouveau cadre de coopération s'est mis en place et qu'il est souhaitable de disposer d'un instrument multilatéral pour permettre au plus grand nombre d'Etats de bénéficier du nouveau cadre de coopération et également d'appliquer les normes internationales de coopération les plus élevées dans le domaine fiscal;

Désireux de conclure une convention d'assistance administrative mutuelle en matière fiscale,

Sont convenus de ce qui suit:

Chapter I – Scope of the Convention

Article 1 – Object of the Convention and persons covered

- 1 The Parties shall, subject to the provisions of Chapter IV, provide administrative assistance to each other in tax matters. Such assistance may involve, where appropriate, measures taken by judicial bodies.
- 2 Such administrative assistance shall comprise:
 - a exchange of information, including simultaneous tax examinations and participation in tax examinations abroad;
 - b assistance in recovery, including measures of conservancy; and
 - c service of documents.
- 3 A Party shall provide administrative assistance whether the person affected is a resident or national of a Party or of any other State.

Article 2 – Taxes covered

- 1 This Convention shall apply:
 - a to the following taxes:
 - i taxes on income or profits,
 - ii taxes on capital gains which are imposed separately from the tax on income or profits,
 - iii taxes on net wealth,imposed on behalf of a Party; and
 - b to the following taxes:
 - i taxes on income, profits, capital gains or net wealth which are imposed on behalf of political subdivisions or local authorities of a Party,
 - ii compulsory social security contributions payable to general government or to social security institutions established under public law, and
 - iii taxes in other categories, except customs duties, imposed on behalf of a Party, namely:
 - A. estate, inheritance or gift taxes,
 - B. taxes on immovable property,
 - C. general consumption taxes, such as value added or sales taxes,
 - D. specific taxes on goods and services such as excise taxes,
 - E. taxes on the use or ownership of motor vehicles,
 - F. taxes on the use or ownership of movable property other than motor vehicles,
 - G. any other taxes;
 - iv taxes in categories referred to in sub-paragraph iii. above which are imposed on behalf of political subdivisions or local authorities of a Party.
- 2 The existing taxes to which the Convention shall apply are listed in Annex A in the categories referred to in paragraph 1.

Chapitre 1 – Champ d'application de la Convention

Article 1 – Objet de la Convention et personnes visées

- 1 Les Parties s'accordent mutuellement, sous réserve des dispositions du chapitre IV, une assistance administrative en matière fiscale. Cette assistance couvre, le cas échéant, des actes accomplis par des organes juridictionnels.
- 2 Cette assistance administrative comprend :
 - a l'échange de renseignements, y compris les contrôles fiscaux simultanés et la participation à des contrôles fiscaux menés à l'étranger ;
 - b le recouvrement des créances fiscales y compris les mesures conservatoires ; et
 - c la notification de documents.
- 3 Une Partie accordera son assistance administrative, que la personne affectée soit un résident ou un ressortissant d'une Partie ou de tout autre Etat.

Article 2 – Impôts visés

- 1 La présente Convention s'applique :
 - a aux impôts suivants :
 - i impôts sur le revenu ou les bénéfices,
 - ii impôts sur les gains en capital qui sont perçus séparément de l'impôt sur le revenu ou les bénéfices,
 - iii impôts sur l'actif net,qui sont perçus pour le compte d'une Partie ; et
 - b aux impôts suivants :
 - i impôts sur le revenu, les bénéfices ou les gains en capital ou l'actif net qui sont perçus pour le compte des subdivisions politiques ou des collectivités locales d'une Partie,
 - ii cotisations de sécurité sociale obligatoires dues aux administrations publiques ou aux organismes de sécurité sociale de droit public, et
 - iii impôts d'autres catégories, à l'exception des droits de douane, perçus pour le compte d'une Partie, à savoir :
 - A. impôts sur les successions ou les donations,
 - B. impôts sur la propriété immobilière,
 - C. impôts généraux sur les biens et services, tels que taxes sur la valeur ajoutée ou impôts sur les ventes,
 - D. impôts sur des biens et services déterminés, tels que droits d'accises,
 - E. impôts sur l'utilisation ou la propriété des véhicules à moteur,
 - F. impôts sur l'utilisation ou la propriété de biens mobiliers autres que les véhicules à moteur,
 - G. tout autre impôt ;
 - iv impôts des catégories visées à l'alinéa iii. ci-dessus, qui sont perçus pour le compte des subdivisions politiques ou des collectivités locales d'une Partie.
- 2 Les impôts existants auxquels s'applique la présente Convention sont énumérés à l'annexe A selon les catégories mentionnées au paragraphe 1.

- 3 The Parties shall notify the Secretary General of the Council of Europe or the Secretary General of OECD (hereinafter referred to as the "Depositaries") of any change to be made to Annex A as a result of a modification of the list mentioned in paragraph 2. Such change shall take effect on the first day of the month following the expiration of a period of three months after the date of receipt of such notification by the Depositary.
- 4 The Convention shall also apply, as from their adoption, to any identical or substantially similar taxes which are imposed in a Contracting State after the entry into force of the Convention in respect of that Party in addition to or in place of the existing taxes listed in Annex A and, in that event, the Party concerned shall notify one of the Depositaries of the adoption of the tax in question.

Chapter II – General definitions

Article 3 – Definitions

- 1 For the purposes of this Convention, unless the context otherwise requires:
 - a the terms "applicant State" and "requested State" mean respectively any Party applying for administrative assistance in tax matters and any Party requested to provide such assistance;
 - b the term "tax" means any tax or social security contribution to which the Convention applies pursuant to Article 2;
 - c the term "tax claim" means any amount of tax, as well as interest thereon, related administrative fines and costs incidental to recovery, which are owed and not yet paid;
 - d the term "competent authority" means the persons and authorities listed in Annex B;
 - e the term "nationals" in relation to a Party means:
 - i all individuals possessing the nationality of that Party, and
 - ii all legal persons, partnerships, associations and other entities deriving their status as such from the laws in force in that Party.

For each Party that has made a declaration for that purpose, the terms used above will be understood as defined in Annex C.

- 2 As regards the application of the Convention by a Party, any term not defined therein shall, unless the context otherwise requires, have the meaning which it has under the law of that Party concerning the taxes covered by the Convention.
- 3 The Parties shall notify one of the Depositaries of any change to be made to Annexes B and C. Such change shall take effect on the first day of the month following the expiration of a period of three months after the date of receipt of such notification by the Depositary in question.

- 3 Les Parties communiquent au Secrétaire Général du Conseil de l'Europe ou au Secrétaire Général de l'OCDE (ci-après dénommés « Dépositaires ») toute modification devant être apportée à l'annexe A et résultant d'une modification de la liste mentionnée au paragraphe 2. Ladite modification prendra effet le premier jour du mois qui suit l'expiration d'une période de trois mois après la date de réception de la notification par le Dépositaire.
- 4 La présente Convention s'applique aussi, dès leur introduction, aux impôts de nature identique ou analogue qui seraient établis dans une Partie après l'entrée en vigueur de la Convention à son égard et qui s'ajouteraient aux impôts existants énumérés à l'annexe A, ou qui les remplaceraient. Dans ce cas, la Partie intéressée informera l'un des Dépositaires de l'introduction de ces impôts.

Chapitre II – Définitions générales

Article 3 – Définitions

- 1 Aux fins de la présente Convention, à moins que le contexte n'exige une interprétation différente :
 - a les expressions « Etat requérant » et « Etat requis » désignent respectivement toute Partie qui demande assistance administrative en matière fiscale et toute Partie à laquelle cette assistance est demandée ;
 - b le terme « impôt » désigne tout impôt ou cotisation de sécurité sociale, visé par la présente Convention conformément à l'article 2 ;
 - c l'expression « créance fiscale » désigne tout montant d'impôt ainsi que les intérêts, les amendes administratives et les frais de recouvrement y afférents, qui sont dus et non encore acquittés ;
 - d l'expression « autorité compétente », désigne les personnes et autorités énumérées à l'annexe B ;
 - e le terme « ressortissants », à l'égard d'une Partie, désigne :
 - i toutes les personnes physiques qui possèdent la nationalité de cette Partie, et
 - ii toutes les personnes morales, sociétés de personnes, associations et autres entités constituées conformément à la législation en vigueur dans cette Partie.

Pour toute Partie qui fait une déclaration à cette fin, les termes utilisés ci-dessus devront être entendus au sens des définitions contenues dans l'annexe C.
- 2 Pour l'application de la Convention par une Partie, toute expression qui n'y est pas définie a le sens que lui attribue le droit de cette Partie concernant les impôts visés par la Convention, à moins que le contexte n'exige une interprétation différente.
- 3 Les Parties communiquent à l'un des Dépositaires toute modification devant être apportée aux annexes B et C. Ladite modification prendra effet le premier jour du mois qui suit l'expiration d'une période de trois mois après la date de réception de la notification par le Dépositaire.

Chapter III – Forms of assistance

Section I – Exchange of information

Article 4 – General provision

- 1 The Parties shall exchange any information, in particular as provided in this section, that is foreseeably relevant for the administration or enforcement of their domestic laws concerning the taxes covered by this Convention.
- 2 Deleted.
- 3 Any Party may, by a declaration addressed to one of the Depositaries, indicate that, according to its internal legislation, its authorities may inform its resident or national before transmitting information concerning him, in conformity with Articles 5 and 7.

Article 5 – Exchange of information on request

- 1 At the request of the applicant State, the requested State shall provide the applicant State with any information referred to in Article 4 which concerns particular persons or transactions.
- 2 If the information available in the tax files of the requested State is not sufficient to enable it to comply with the request for information, that State shall take all relevant measures to provide the applicant State with the information requested.

Article 6 – Automatic exchange of information

With respect to categories of cases and in accordance with procedures which they shall determine by mutual agreement, two or more Parties shall automatically exchange the information referred to in Article 4.

Article 7 – Spontaneous exchange of information

- 1 A Party shall, without prior request, forward to another Party information of which it has knowledge in the following circumstances:
 - a the first-mentioned Party has grounds for supposing that there may be a loss of tax in the other Party;
 - b a person liable to tax obtains a reduction in or an exemption from tax in the first-mentioned Party which would give rise to an increase in tax or to liability to tax in the other Party;
 - c business dealings between a person liable to tax in a Party and a person liable to tax in another Party are conducted through one or more countries in such a way that a saving in tax may result in one or the other Party or in both;
 - d a Party has grounds for supposing that a saving of tax may result from artificial transfers of profits within groups of enterprises;
 - e information forwarded to the first-mentioned Party by the other Party has enabled information to be obtained which may be relevant in assessing liability to tax in the latter Party.
- 2 Each Party shall take such measures and implement such procedures as are necessary to ensure that information described in paragraph 1 will be made available for transmission to another Party.

Chapitre III – Formes d'assistance

Section I – Echange de renseignements

Article 4 – Disposition générale

- 1 Les Parties échangent, notamment comme il est prévu dans la présente section, les renseignements vraisemblablement pertinents pour l'administration ou l'application de leurs législations internes relatives aux impôts visés par la présente Convention.
- 2 Supprimé.
- 3 Une Partie peut, par une déclaration adressée à l'un des Dépositaires, indiquer que, conformément à sa législation interne, ses autorités peuvent informer son résident ou ressortissant avant de fournir des renseignements le concernant en application des articles 5 et 7.

Article 5 – Echange de renseignements sur demande

- 1 À la demande de l'Etat requérant, l'Etat requis lui fournit tout renseignement visé à l'article 4 concernant une personne ou une transaction déterminée.
- 2 Si les renseignements disponibles dans les dossiers fiscaux de l'Etat requis ne lui permettent pas de donner suite à la demande de renseignements, il doit prendre toutes les mesures nécessaires afin de fournir à l'Etat requérant les renseignements demandés.

Article 6 – Echange automatique de renseignements

Pour des catégories de cas et selon les procédures qu'elles déterminent d'un commun accord, deux ou plusieurs Parties échangent automatiquement les renseignements visés à l'article 4.

Article 7 – Echange spontané de renseignements

- 1 Une Partie communique, sans demande préalable, à une autre Partie les informations dont elle a connaissance dans les situations suivantes :
 - a la première Partie a des raisons de présumer qu'il existe une réduction ou une exonération anormales d'impôt dans l'autre Partie ;
 - b un contribuable obtient, dans la première Partie, une réduction ou une exonération d'impôt qui devrait entraîner pour lui une augmentation d'impôt ou un assujettissement à l'impôt dans l'autre Partie ;
 - c des affaires entre un contribuable d'une Partie et un contribuable d'une autre Partie sont traitées par le biais d'un ou de plusieurs autres pays, de manière telle qu'il peut en résulter une diminution d'impôt dans l'une ou l'autre ou dans les deux ;
 - d une Partie a des raisons de présumer qu'il existe une diminution d'impôt résultant de transferts fictifs de bénéfices à l'intérieur de groupes d'entreprises ;
 - e à la suite d'informations communiquées à une Partie par une autre Partie, la première Partie a pu recueillir des informations qui peuvent être utiles à l'établissement de l'impôt dans l'autre Partie.
- 2 Chaque Partie prend les mesures et met en œuvre les procédures nécessaires pour que les renseignements visés au paragraphe 1 lui parviennent en vue de leur transmission à une autre Partie.

Article 8 – Simultaneous tax examinations

- 1 At the request of one of them, two or more Parties shall consult together for the purposes of determining cases and procedures for simultaneous tax examinations. Each Party involved shall decide whether or not it wishes to participate in a particular simultaneous tax examination.
- 2 For the purposes of this Convention, a simultaneous tax examination means an arrangement between two or more Parties to examine simultaneously, each in its own territory, the tax affairs of a person or persons in which they have a common or related interest, with a view to exchanging any relevant information which they so obtain.

Article 9 – Tax examinations abroad

- 1 At the request of the competent authority of the applicant State, the competent authority of the requested State may allow representatives of the competent authority of the applicant State to be present at the appropriate part of a tax examination in the requested State.
- 2 If the request is acceded to, the competent authority of the requested State shall, as soon as possible, notify the competent authority of the applicant State about the time and place of the examination, the authority or official designated to carry out the examination and the procedures and conditions required by the requested State for the conduct of the examination. All decisions with respect to the conduct of the tax examination shall be made by the requested State.
- 3 A Party may inform one of the Depositaries of its intention not to accept, as a general rule, such requests as are referred to in paragraph 1. Such a declaration may be made or withdrawn at any time.

Article 10 – Conflicting information

If a Party receives from another Party information about a person's tax affairs which appears to it to conflict with information in its possession, it shall so advise the Party which has provided the information.

Section II – Assistance in recovery

Article 11 – Recovery of tax claims

- 1 At the request of the applicant State, the requested State shall, subject to the provisions of Articles 14 and 15, take the necessary steps to recover tax claims of the first-mentioned State as if they were its own tax claims.
- 2 The provision of paragraph 1 shall apply only to tax claims which form the subject of an instrument permitting their enforcement in the applicant State and, unless otherwise agreed between the Parties concerned, which are not contested.

However, where the claim is against a person who is not a resident of the applicant State, paragraph 1 shall only apply, unless otherwise agreed between the Parties concerned, where the claim may no longer be contested.
- 3 The obligation to provide assistance in the recovery of tax claims concerning a deceased person or his estate, is limited to the value of the estate or of the property acquired by each beneficiary

Article 8 – Contrôles fiscaux simultanés

- 1 A la demande de l'une d'entre elles, deux ou plusieurs Parties se consultent pour déterminer les cas devant faire l'objet d'un contrôle fiscal simultané et les procédures à suivre. Chaque Partie décide si elle souhaite ou non participer, dans un cas déterminé, à un contrôle fiscal simultané.
- 2 Aux fins de la présente Convention, on entend par contrôle fiscal simultané un contrôle entrepris en vertu d'un accord par lequel deux ou plusieurs Parties conviennent de vérifier simultanément, chacune sur son territoire, la situation fiscale d'une ou de plusieurs personnes qui présente pour elles un intérêt commun ou complémentaire, en vue d'échanger les renseignements ainsi obtenus.

Article 9 – Contrôles fiscaux à l'étranger

- 1 A la demande de l'autorité compétente de l'Etat requérant, l'autorité compétente de l'Etat requis peut autoriser des représentants de l'autorité compétente de l'Etat requérant à assister à la partie appropriée d'un contrôle fiscal dans l'Etat requis.
- 2 Si la demande est acceptée, l'autorité compétente de l'Etat requis fait connaître aussitôt que possible à l'autorité compétente de l'Etat requérant la date et le lieu du contrôle, l'autorité ou le fonctionnaire chargé de ce contrôle, ainsi que les procédures et conditions exigées par l'Etat requis pour la conduite du contrôle. Toute décision relative à la conduite du contrôle fiscal est prise par l'Etat requis.
- 3 Une Partie peut informer l'un des Dépositaires de son intention de ne pas accepter, de façon générale, les demandes visées au paragraphe 1. Cette déclaration peut être faite ou retirée à tout moment.

Article 10 – Renseignements contradictoires

Si une Partie reçoit d'une autre Partie des renseignements sur la situation fiscale d'une personne qui lui paraissent en contradiction avec ceux dont elle dispose, elle en avise la Partie qui a fourni les renseignements.

Section II – Assistance en vue du recouvrement

Article 11 – Recouvrement des créances fiscales

- 1 A la demande de l'Etat requérant, l'Etat requis procède, sous réserve des dispositions des articles 14 et 15, au recouvrement des créances fiscales du premier Etat comme s'il s'agissait de ses propres créances fiscales.
- 2 Les dispositions du paragraphe 1 ne s'appliquent qu'aux créances fiscales qui font l'objet d'un titre permettant d'en poursuivre le recouvrement dans l'Etat requérant et qui, à moins que les Parties concernées n'en soient convenues autrement, ne sont pas contestées.

Toutefois, si la créance concerne une personne qui n'a pas la qualité de résident dans l'Etat requérant, le paragraphe 1 s'applique seulement lorsque la créance ne peut plus être contestée, à moins que les Parties concernées n'en soient convenues autrement.
- 3 L'obligation d'accorder une assistance en vue du recouvrement des créances fiscales concernant une personne décédée ou sa succession est limitée à la valeur de la succession ou des

of the estate, according to whether the claim is to be recovered from the estate or from the beneficiaries thereof.

Article 12 – Measures of conservancy

At the request of the applicant State, the requested State shall, with a view to the recovery of an amount of tax, take measures of conservancy even if the claim is contested or is not yet the subject of an instrument permitting enforcement.

Article 13 – Documents accompanying the request

- 1 The request for administrative assistance under this section shall be accompanied by:
 - a a declaration that the tax claim concerns a tax covered by the Convention and, in the case of recovery that, subject to paragraph 2 of Article 11, the tax claim is not or may not be contested,
 - b an official copy of the instrument permitting enforcement in the applicant State, and
 - c any other document required for recovery or measures of conservancy.
- 2 The instrument permitting enforcement in the applicant State shall, where appropriate and in accordance with the provisions in force in the requested State, be accepted, recognised, supplemented or replaced as soon as possible after the date of the receipt of the request for assistance, by an instrument permitting enforcement in the latter State.

Article 14 – Time limits

- 1 Questions concerning any period beyond which a tax claim cannot be enforced shall be governed by the law of the applicant State. The request for assistance shall give particulars concerning that period.
- 2 Acts of recovery carried out by the requested State in pursuance of a request for assistance, which, according to the laws of that State, would have the effect of suspending or interrupting the period mentioned in paragraph 1, shall also have this effect under the laws of the applicant State. The requested State shall inform the applicant State about such acts.
- 3 In any case, the requested State is not obliged to comply with a request for assistance which is submitted after a period of 15 years from the date of the original instrument permitting enforcement.

Article 15 – Priority

The tax claim in the recovery of which assistance is provided shall not have in the requested State any priority specially accorded to the tax claims of that State even if the recovery procedure used is the one applicable to its own tax claims.

Article 16 – Deferral of payment

The requested State may allow deferral of payment or payment by instalments if its laws or administrative practice permit it to do so in similar circumstances, but shall first inform the applicant State.

biens reçus par chacun des bénéficiaires de la succession selon que la créance est à recouvrer sur la succession ou auprès des bénéficiaires de celle-ci.

Article 12 – Mesures conservatoires

A la demande de l'Etat requérant, l'Etat requis prend des mesures conservatoires en vue du recouvrement d'un montant d'impôt, même si la créance est contestée ou si le titre exécutoire n'a pas encore été émis.

Article 13 – Documents accompagnant la demande

- 1 La demande d'assistance administrative, présentée en vertu de la présente section, est accompagnée:
 - a d'une attestation précisant que la créance fiscale concerne un impôt visé par la présente Convention et, en ce qui concerne le recouvrement, que, sous réserve de l'article 11, paragraphe 2, elle n'est pas ou ne peut être contestée,
 - b d'une copie officielle du titre permettant l'exécution dans l'Etat requérant, et
 - c de tout autre document exigé pour le recouvrement ou pour prendre les mesures conservatoires.
- 2 Le titre permettant l'exécution dans l'Etat requérant est, s'il y a lieu et conformément aux dispositions en vigueur dans l'Etat requis, admis, homologué, complété ou remplacé dans les plus brefs délais suivant la date de réception de la demande d'assistance par un titre permettant l'exécution dans l'Etat requis.

Article 14 – Délais

- 1 Les questions concernant le délai au-delà duquel la créance fiscale ne peut être exigée sont régies par la législation de l'Etat requérant. La demande d'assistance contient des renseignements sur ce délai.
- 2 Les actes de recouvrement accomplis par l'Etat requis à la suite d'une demande d'assistance et qui, suivant la législation de cet Etat, auraient pour effet de suspendre ou d'interrompre le délai mentionné au paragraphe 1 ont le même effet au regard de la législation de l'Etat requérant. L'Etat requis informe l'Etat requérant des actes ainsi accomplis.
- 3 En tout état de cause, l'Etat requis n'est pas tenu de donner suite à une demande d'assistance qui est présentée après une période de 15 ans à partir de la date du titre exécutoire initial.

Article 15 – Privilèges

La créance fiscale pour le recouvrement de laquelle une assistance est accordée ne jouit dans l'Etat requis d'aucun des privilèges spécialement attachés aux créances fiscales de cet Etat même si la procédure de recouvrement utilisée est celle qui s'applique à ses propres créances fiscales.

Article 16 – Délais de paiement

Si sa législation ou sa pratique administrative le permet dans des circonstances analogues, l'Etat requis peut consentir un délai de paiement ou un paiement échelonné, mais il en informe au préalable l'Etat requérant.

Section III – Service of documents

Article 17 – Service of documents

- 1 At the request of the applicant State, the requested State shall serve upon the addressee documents, including those relating to judicial decisions, which emanate from the applicant State and which relate to a tax covered by this Convention.
- 2 The requested State shall effect service of documents:
 - a by a method prescribed by its domestic laws for the service of documents of a substantially similar nature;
 - b to the extent possible, by a particular method requested by the applicant State or the closest to such method available under its own laws.
- 3 A Party may effect service of documents directly through the post on a person within the territory of another Party.
- 4 Nothing in the Convention shall be construed as invalidating any service of documents by a Party in accordance with its laws.
- 5 When a document is served in accordance with this article, it need not be accompanied by a translation. However, where it is satisfied that the addressee cannot understand the language of the document, the requested State shall arrange to have it translated into or a summary drafted in its or one of its official languages. Alternatively, it may ask the applicant State to have the document either translated into or accompanied by a summary in one of the official languages of the requested State, the Council of Europe or the OECD.

Chapter IV – Provisions relating to all forms of assistance

Article 18 – Information to be provided by the applicant State

- 1 A request for assistance shall indicate where appropriate:
 - a the authority or agency which initiated the request made by the competent authority;
 - b the name, address, or any other particulars assisting in the identification of the person in respect of whom the request is made;
 - c in the case of a request for information, the form in which the applicant State wishes the information to be supplied in order to meet its needs;
 - d in the case of a request for assistance in recovery or measures of conservancy, the nature of the tax claim, the components of the tax claim and the assets from which the tax claim may be recovered;
 - e in the case of a request for service of documents, the nature and the subject of the document to be served;
 - f whether it is in conformity with the law and administrative practice of the applicant State and whether it is justified in the light of the requirements of Article 21.2.g.
- 2 As soon as any other information relevant to the request for assistance comes to its knowledge, the applicant State shall forward it to the requested State.

Section III – Notification de documents

Article 17 – Notification de documents

- 1 A la demande de l'Etat requérant, l'Etat requis notifie au destinataire les documents, y compris ceux ayant trait à des décisions judiciaires, qui émanent de l'Etat requérant et concernent un impôt visé par la présente Convention.
- 2 L'Etat requis procède à la notification :
 - a selon les formes prescrites par sa législation interne pour la notification de documents de nature identique ou analogue ;
 - b dans la mesure du possible, selon la forme particulière demandée par l'Etat requérant, ou la forme la plus rapprochant prévue par sa législation interne.
- 3 Une Partie peut faire procéder directement par voie postale à la notification d'un document à une personne se trouvant sur le territoire d'une autre Partie.
- 4 Aucune disposition de la Convention ne peut avoir pour effet d'entacher de nullité une notification de documents effectuée par une Partie conformément à sa législation.
- 5 Lorsqu'un document est notifié conformément au présent article, sa traduction n'est pas exigée. Toutefois, lorsqu'il lui paraît établi que le destinataire ne connaît pas la langue dans laquelle le document est libellé, l'Etat requis en fait effectuer une traduction ou établir un résumé dans sa langue officielle ou l'une de ses langues officielles. Il peut également demander à l'Etat requérant que le document soit traduit ou accompagné d'un résumé dans l'une des langues officielles de l'Etat requis, du Conseil de l'Europe ou de l'OCDE.

Chapitre IV – Dispositions communes aux diverses formes d'assistance

Article 18 – Renseignements à fournir par l'Etat requérant

- 1 La demande d'assistance précise, en tant que de besoin :
 - a l'autorité ou le service qui est à l'origine de la demande présentée par l'autorité compétente ;
 - b le nom, l'adresse ou tous les autres détails permettant d'identifier la personne au sujet de laquelle la demande est présentée ;
 - c dans le cas d'une demande de renseignements, la forme sous laquelle l'Etat requérant souhaite recevoir le renseignement pour répondre à ses besoins ;
 - d dans le cas d'une demande d'assistance en vue d'un recouvrement ou de mesures conservatoires, la nature de la créance fiscale, les éléments constitutifs de cette créance et les biens sur lesquels elle peut être recouvrée ;
 - e dans le cas d'une demande de notification, la nature et l'objet du document à notifier ;
 - f si la demande est conforme à la législation et à la pratique administrative de l'Etat requérant et si elle est justifiée au regard de l'article 21.2.g.
- 2 L'Etat requérant communique à l'Etat requis, dès qu'il en a connaissance, tous les autres renseignements relatifs à la demande d'assistance.

Article 19 – Deleted

Article 20 – Response to the request for assistance

- 1 If the request for assistance is complied with, the requested State shall inform the applicant State of the action taken and of the result of the assistance as soon as possible.
- 2 If the request is declined, the requested State shall inform the applicant State of that decision and the reason for it as soon as possible.
- 3 If, with respect to a request for information, the applicant State has specified the form in which it wishes the information to be supplied and the requested State is in a position to do so, the requested State shall supply it in the form requested.

Article 21 – Protection of persons and limits to the obligation to provide assistance

- 1 Nothing in this Convention shall affect the rights and safeguards secured to persons by the laws or administrative practice of the requested State.
- 2 Except in the case of Article 14, the provisions of this Convention shall not be construed so as to impose on the requested State the obligation:
 - a to carry out measures at variance with its own laws or administrative practice or the laws or administrative practice of the applicant State;
 - b to carry out measures which would be contrary to public policy (*ordre public*);
 - c to supply information which is not obtainable under its own laws or its administrative practice or under the laws of the applicant State or its administrative practice;
 - d to supply information which would disclose any trade, business, industrial, commercial or professional secret, or trade process, or information the disclosure of which would be contrary to public policy (*ordre public*);
 - e to provide administrative assistance if and insofar as it considers the taxation in the applicant State to be contrary to generally accepted taxation principles or to the provisions of a convention for the avoidance of double taxation, or of any other convention which the requested State has concluded with the applicant State;
 - f to provide administrative assistance for the purpose of administering or enforcing a provision of the tax law of the applicant State, or any requirement connected therewith, which discriminates against a national of the requested State as compared with a national of the applicant State in the same circumstances;
 - g to provide administrative assistance if the applicant State has not pursued all reasonable measures available under its laws or administrative practice, except where recourse to such measures would give rise to disproportionate difficulty;
 - h to provide assistance in recovery in those cases where the administrative burden for that State is clearly disproportionate to the benefit to be derived by the applicant State.
- 3 If information is requested by the applicant State in accordance with this Convention, the requested State shall use its information gathering measures to obtain the requested information, even though the requested State may not need such information for its own tax purposes. The obligation contained in the preceding sentence is subject to the limitations contained in this Convention, but in no case shall such limitations, including in particular those of

Article 19 – Supprimé

Article 20 – Suite réservée à la demande d'assistance

- 1 S'il est donné suite à la demande d'assistance, l'Etat requis informe l'Etat requérant, dans les plus brefs délais, des mesures prises ainsi que du résultat de son assistance.
- 2 Si la demande est rejetée, l'Etat requis en informe l'Etat requérant dans les plus brefs délais, en lui indiquant les motifs du rejet.
- 3 Si, dans le cas d'une demande de renseignement, l'Etat requérant a précisé la forme sous laquelle il souhaite recevoir le renseignement et si l'Etat requis est en mesure de le faire, ce dernier fournira le renseignement dans la forme souhaitée.

Article 21 – Protection des personnes et limites de l'obligation d'assistance

- 1 Aucune disposition de la présente Convention ne peut être interprétée comme limitant les droits et garanties accordés aux personnes par la législation ou la pratique administrative de l'Etat requis.
- 2 Sauf en ce qui concerne l'article 14, les dispositions de la présente Convention ne peuvent être interprétées comme imposant à l'Etat requis l'obligation :
 - a de prendre des mesures qui dérogent à sa législation ou à sa pratique administrative, ou à la législation ou à la pratique administrative de l'Etat requérant ;
 - b de prendre des mesures qui seraient contraires à l'ordre public ;
 - c de fournir des renseignements qui ne pourraient être obtenus sur la base de sa législation ou de sa pratique administrative, ou de la législation ou de la pratique administrative de l'Etat requérant ;
 - d de fournir des renseignements qui révéleraient un secret commercial, industriel, professionnel ou un procédé commercial, ou des renseignements dont la communication serait contraire à l'ordre public ;
 - e d'accorder une assistance administrative si et dans la mesure où il estime que l'imposition de l'Etat requérant est contraire aux principes d'imposition généralement admis ou aux dispositions d'une convention en vue d'éviter la double imposition ou de toute autre convention qu'il a conclue avec l'Etat requérant ;
 - f d'accorder une assistance administrative afin d'appliquer ou exécuter une disposition de la législation fiscale de l'Etat requérant, ou de satisfaire une obligation s'y rattachant, qui est discriminatoire à l'encontre d'un ressortissant de l'Etat requis par rapport à un ressortissant de l'Etat requérant qui se trouve dans les mêmes circonstances ;
 - g d'accorder une assistance administrative si l'Etat requérant n'a pas épuisé toutes les mesures raisonnables prévues par sa législation ou sa pratique administrative, à moins que le recours à de telles mesures ne donne lieu à des difficultés disproportionnées ;
 - h d'accorder une assistance au recouvrement dans les cas où la charge administrative qui en résulte pour cet Etat est nettement disproportionnée par rapport aux avantages qui peuvent en être tirés par l'Etat requérant.
- 3 Si des renseignements sont demandés par l'Etat requérant conformément à la présente Convention, l'Etat requis utilise les pouvoirs dont il dispose pour obtenir les renseignements demandés, même s'il n'en a pas besoin à ses propres fins fiscales. L'obligation qui figure dans la phrase précédente est soumise aux limitations prévues par la présente Convention, sauf si ces limitations, et en particulier celles des paragraphes 1 et 2, sont susceptibles d'empêcher

paragraphs 1 and 2, be construed to permit a requested State to decline to supply information solely because it has no domestic interest in such information.

- 4 In no case shall the provisions of this Convention, including in particular those of paragraphs 1 and 2, be construed to permit a requested State to decline to supply information solely because the information is held by a bank, other financial institution, nominee or person acting in an agency or a fiduciary capacity or because it relates to ownership interests in a person.

Article 22 – Secrecy

- 1 Any information obtained by a Party under this Convention shall be treated as secret and protected in the same manner as information obtained under the domestic law of that Party and, to the extent needed to ensure the necessary level of protection of personal data, in accordance with the safeguards which may be specified by the supplying Party as required under its domestic law.
- 2 Such information shall in any case be disclosed only to persons or authorities (including courts and administrative or supervisory bodies) concerned with the assessment, collection or recovery of, the enforcement or prosecution in respect of, or the determination of appeals in relation to, taxes of that Party, or the oversight of the above. Only the persons or authorities mentioned above may use the information and then only for such purposes. They may, notwithstanding the provisions of paragraph 1, disclose it in public court proceedings or in judicial decisions relating to such taxes.
- 3 If a Party has made a reservation provided for in sub-paragraph a. of paragraph 1 of Article 30, any other Party obtaining information from that Party shall not use it for the purpose of a tax in a category subject to the reservation. Similarly, the Party making such a reservation shall not use information obtained under this Convention for the purpose of a tax in a category subject to the reservation.
- 4 Notwithstanding the provisions of paragraphs 1, 2 and 3, information received by a Party may be used for other purposes when such information may be used for such other purposes under the laws of the supplying Party and the competent authority of that Party authorises such use. Information provided by a Party to another Party may be transmitted by the latter to a third Party, subject to prior authorisation by the competent authority of the first-mentioned Party.

Article 23 – Proceedings

- 1 Proceedings relating to measures taken under this Convention by the requested State shall be brought only before the appropriate body of that State.
- 2 Proceedings relating to measures taken under this Convention by the applicant State, in particular those which, in the field of recovery, concern the existence or the amount of the tax claim or the instrument permitting its enforcement, shall be brought only before the appropriate body of that State. If such proceedings are brought, the applicant State shall inform the requested State which shall suspend the procedure pending the decision of the body in question. However, the requested State shall, if asked by the applicant State, take measures of conservancy to safeguard recovery. The requested State can also be informed of such proceed-

l'Etat requis de communiquer des renseignements uniquement parce que ceux-ci ne présentent pas d'intérêt pour lui dans le cadre national.

- 4 En aucun cas les dispositions de cette Convention, et en particulier celles des paragraphes 1 et 2, ne peuvent être interprétées comme permettant à un Etat requis de refuser de communiquer des renseignements uniquement parce que ceux-ci sont détenus par une banque, un autre établissement financier, un mandataire ou une personne agissant en qualité d'agent ou de fiduciaire, ou parce que ces renseignements se rattachent aux droits de propriété d'une personne.

Article 22 – Secret

- 1 Les renseignements obtenus par une Partie en application de la présente Convention sont tenus secrets et protégés dans les mêmes conditions que celles prévues pour les renseignements obtenus en application de la législation de cette Partie et, en tant que de besoin pour assurer le niveau nécessaire de protection des données à caractère personnel, conformément aux garanties qui peuvent être spécifiées par la Partie fournissant les renseignements comme étant requises au titre de sa législation.
- 2 Ces renseignements ne sont communiqués en tout cas qu'aux personnes ou autorités (y compris les tribunaux et les organes administratifs ou de surveillance) concernées par l'établissement, la perception ou le recouvrement des impôts de cette Partie, par les procédures ou les poursuites pénales concernant ces impôts, ou par les décisions sur les recours se rapportant à ces impôts ou par le contrôle de ce qui précède. Seules lesdites personnes ou autorités peuvent utiliser ces renseignements et uniquement aux fins indiquées ci-dessus. Elles peuvent, nonobstant les dispositions du paragraphe 1, en faire état au cours d'audiences publiques de tribunaux ou dans des jugements concernant lesdits impôts.
- 3 Lorsqu'une Partie a formulé une réserve prévue à l'article 30, paragraphe 1, alinéa a., toute autre Partie qui obtient des renseignements de la première Partie ne peut pas les utiliser pour un impôt inclus dans une catégorie qui a fait l'objet de la réserve. De même, la Partie ayant formulé la réserve ne peut pas utiliser, pour un impôt inclus dans la catégorie qui fait l'objet de la réserve, les renseignements obtenus en vertu de la présente Convention.
- 4 Nonobstant les dispositions des paragraphes 1, 2 et 3, les renseignements obtenus par une Partie peuvent être utilisés à d'autres fins lorsque l'utilisation de tels renseignements à de telles fins est possible selon la législation de la Partie qui fournit les renseignements et que l'autorité compétente de cette Partie consent à une telle utilisation. Les renseignements fournis par une Partie à une autre Partie peuvent être transmis par celle-ci à une troisième Partie, sous réserve de l'autorisation préalable de l'autorité compétente de la première Partie.

Article 23 – Procédures

- 1 Les actions se rapportant aux mesures prises en vertu de la présente Convention par l'Etat requis sont intentées exclusivement devant l'instance appropriée dudit Etat.
- 2 Les actions se rapportant aux mesures prises par l'Etat requérant en vertu de la présente Convention, en particulier celles qui, en matière de recouvrement, concernent l'existence ou le montant de la créance fiscale ou le titre qui permet d'en poursuivre l'exécution, sont intentées exclusivement devant l'instance appropriée de ce même Etat. Si une telle action est exercée, l'Etat requérant en informe immédiatement l'Etat requis et celui-ci suspend la procédure en attendant la décision de l'instance saisie. Toutefois, si l'Etat requérant le lui demande, il prend des mesures conservatoires en vue du recouvrement. L'Etat requis peut aussi être informé

ings by any interested person. Upon receipt of such information the requested State shall consult on the matter, if necessary, with the applicant State.

- 3 As soon as a final decision in the proceedings has been given, the requested State or the applicant State, as the case may be, shall notify the other State of the decision and the implications which it has for the request for assistance.

Chapter V – Special provisions

Article 24 – Implementation of the Convention

- 1 The Parties shall communicate with each other for the implementation of this Convention through their respective competent authorities. The competent authorities may communicate directly for this purpose and may authorise subordinate authorities to act on their behalf. The competent authorities of two or more Parties may mutually agree on the mode of application of the Convention among themselves.
- 2 Where the requested State considers that the application of this Convention in a particular case would have serious and undesirable consequences, the competent authorities of the requested and of the applicant State shall consult each other and endeavour to resolve the situation by mutual agreement.
- 3 A co-ordinating body composed of representatives of the competent authorities of the Parties shall monitor the implementation and development of this Convention, under the aegis of the OECD. To that end, the co-ordinating body shall recommend any action likely to further the general aims of the Convention. In particular it shall act as a forum for the study of new methods and procedures to increase international co-operation in tax matters and, where appropriate, it may recommend revisions or amendments to the Convention. States which have signed but not yet ratified, accepted or approved the Convention are entitled to be represented at the meetings of the co-ordinating body as observers.
- 4 A Party may ask the co-ordinating body to furnish opinions on the interpretation of the provisions of the Convention.
- 5 Where difficulties or doubts arise between two or more Parties regarding the implementation or interpretation of the Convention, the competent authorities of those Parties shall endeavour to resolve the matter by mutual agreement. The agreement shall be communicated to the co-ordinating body.
- 6 The Secretary General of OECD shall inform the Parties, and the Signatory States which have not yet ratified, accepted or approved the Convention, of opinions furnished by the co-ordinating body according to the provisions of paragraph 4 above and of mutual agreements reached under paragraph 5 above.

Article 25 – Language

Requests for assistance and answers thereto shall be drawn up in one of the official languages of the OECD and of the Council of Europe or in any other language agreed bilaterally between the Contracting States concerned.

d'une telle action par toute personne intéressée; dès réception de cette information, il consultera, s'il y a lieu, l'Etat requérant à ce sujet.

- 3 Dès qu'il a été définitivement statué sur l'action intentée, l'Etat requis ou, selon le cas, l'Etat requérant notifie à l'autre Etat la décision prise et ses effets sur la demande d'assistance.

Chapitre V – Dispositions spéciales

Article 24 – Mise en œuvre de la Convention

- 1 Les Parties communiquent entre elles pour la mise en œuvre de la présente Convention par l'intermédiaire de leurs autorités compétentes respectives; celles-ci peuvent communiquer directement entre elles à cet effet et peuvent autoriser des autorités qui leur sont subordonnées à agir en leur nom. Les autorités compétentes de deux ou plusieurs Parties peuvent fixer d'un commun accord les modalités d'application de la Convention en ce qui les concerne.
- 2 Lorsque l'Etat requis estime que l'application de la présente Convention dans un cas particulier pourrait avoir des conséquences indésirables graves, les autorités compétentes de l'Etat requis et de l'Etat requérant se concertent et s'efforcent de résoudre la situation par voie d'accord mutuel.
- 3 Un organe de coordination composé de représentants des autorités compétentes des Parties suit, sous l'égide de l'OCDE, la mise en œuvre de la Convention et ses développements. A cet effet, il recommande toute mesure susceptible de contribuer à la réalisation des objectifs généraux de la Convention. En particulier, il constitue un forum pour l'étude de méthodes et procédures nouvelles tendant à accroître la coopération internationale en matière fiscale et, s'il y a lieu, il recommande de réviser la Convention ou d'y apporter des amendements. Les Etats qui ont signé mais n'ont pas encore ratifié, accepté ou approuvé la Convention pourront se faire représenter aux réunions de l'organe de coordination à titre d'observateur.
- 4 Toute Partie peut inviter l'organe de coordination à émettre un avis quant à l'interprétation des dispositions de la Convention.
- 5 Si des difficultés ou des doutes surgissent entre deux ou plusieurs Parties quant à la mise en œuvre ou à l'interprétation de la Convention, les autorités compétentes desdites Parties s'efforcent de résoudre la question par voie d'accord amiable. La décision est communiquée à l'organe de coordination.
- 6 Le Secrétaire Général de l'OCDE fait part aux Parties ainsi qu'aux Etats signataires de la Convention qui ne l'ont pas encore ratifiée, acceptée ou approuvée des avis émis par l'organe de coordination conformément aux dispositions du paragraphe 4 ci-dessus et des accords amiables obtenus en vertu du paragraphe 5 ci-dessus.

Article 25 – Langues

Les demandes d'assistance ainsi que les réponses sont rédigées dans l'une des langues officielles de l'OCDE ou du Conseil de l'Europe ou dans toute autre langue que les Parties concernées conviennent bilatéralement d'employer.

Article 26 – Costs

Unless otherwise agreed bilaterally by the Parties concerned:

- a ordinary costs incurred in providing assistance shall be borne by the requested State;
- b extraordinary costs incurred in providing assistance shall be borne by the applicant State.

Chapter VI – Final provisions

Article 27 – Other international agreements or arrangements

- 1 The possibilities of assistance provided by this Convention do not limit, nor are they limited by, those contained in existing or future international agreements or other arrangements between the Parties concerned or other instruments which relate to co-operation in tax matters.
- 2 Notwithstanding paragraph 1, those Parties which are member States of the European Union can apply, in their mutual relations, the possibilities of assistance provided for by the Convention in so far as they allow a wider co-operation than the possibilities offered by the applicable European Union rules.

Article 28 – Signature and entry into force of the Convention

- 1 This Convention shall be open for signature by the member States of the Council of Europe and the member countries of OECD. It is subject to ratification, acceptance or approval. Instruments of ratification, acceptance or approval shall be deposited with one of the Depositaries.
- 2 This Convention shall enter into force on the first day of the month following the expiration of a period of three months after the date on which five States have expressed their consent to be bound by the Convention in accordance with the provisions of paragraph 1.
- 3 In respect of any member State of the Council of Europe or any member country of OECD which subsequently expresses its consent to be bound by it, the Convention shall enter into force on the first day of the month following the expiration of a period of three months after the date of the deposit of the instrument of ratification, acceptance or approval.
- 4 Any member State of the Council of Europe or any member country of OECD which becomes a Party to the Convention after the entry into force of the Protocol amending this Convention, opened for signature on 27th May 2010 (the "2010 Protocol"), shall be a Party to the Convention as amended by that Protocol, unless they express a different intention in a written communication to one of the Depositaries.
- 5 After the entry into force of the 2010 Protocol, any State which is not a member of the Council of Europe or of the OECD may request to be invited to sign and ratify this Convention as amended by the 2010 Protocol. Any request to this effect shall be addressed to one of the Depositaries, who shall transmit it to the Parties. The Depositary shall also inform the Committee of Ministers of the Council of Europe and the OECD Council. The decision to invite States which so request to become Party to this Convention shall be taken by consensus by the Parties to the Convention through the co-ordinating body. In respect of any State ratifying the Convention as amended by the 2010 Protocol in accordance with this paragraph, this Convention shall enter into force on the first day of the month following the expiration of a

Article 26 – Frais

Sauf si les Parties concernées en conviennent autrement par voie bilatérale :

- a les frais ordinaires engagés pour fournir l'assistance sont à la charge de l'Etat requis ;
- b les frais extraordinaires engagés pour fournir l'assistance sont à la charge de l'Etat requérant.

Chapitre VI – Dispositions finales

Article 27 – Autres accords et arrangements internationaux

- 1 Les possibilités d'assistance prévues par la présente Convention ne limiteront pas ni ne seront limitées par celles découlant de tous accords internationaux et autres arrangements qui existent ou pourront exister entre les Parties concernées ou de tous autres instruments qui se rapportent à la coopération en matière fiscale.
- 2 Nonobstant les dispositions du paragraphe 1, les Parties qui sont Etats membres de l'Union européenne, peuvent appliquer, dans leurs relations mutuelles, les possibilités d'assistance prévues par la Convention, dans la mesure où elles permettent une coopération plus large que celles offertes par les règles applicables de l'Union européenne.

Article 28 – Signature et entrée en vigueur de la Convention

- 1 La présente Convention est ouverte à la signature des Etats membres du Conseil de l'Europe et des pays membres de l'OCDE. Elle sera soumise à ratification, acceptation ou approbation. Les instruments de ratification, d'acceptation ou d'approbation seront déposés près de l'un des Dépositaires.
- 2 La Convention entrera en vigueur le premier jour du mois qui suit l'expiration d'une période de trois mois après la date à laquelle cinq Etats auront exprimé leur consentement à être liés par la Convention conformément aux dispositions du paragraphe 1.
- 3 Pour tout Etat membre du Conseil de l'Europe ou pays membre de l'OCDE qui exprimera ultérieurement son consentement à être lié par la Convention, celle-ci entrera en vigueur le premier jour du mois qui suit l'expiration d'une période de trois mois après la date du dépôt de l'instrument de ratification, d'acceptation ou d'approbation.
- 4 Tout Etat membre du Conseil de l'Europe ou pays membre de l'OCDE qui devient Partie à la Convention après l'entrée en vigueur du Protocole amendant la présente Convention, ouvert à la signature le 27 mai 2010 (le « Protocole de 2010 »), sera Partie à la Convention telle qu'amendée par ce Protocole, sauf s'il exprime une intention différente dans une notification écrite adressée à l'un des Dépositaires.
- 5 Après l'entrée en vigueur du Protocole de 2010, tout Etat qui n'est pas membre du Conseil de l'Europe ou de l'OCDE peut demander à être invité à signer et ratifier la Convention telle qu'amendée par le Protocole de 2010. Toute demande en ce sens devra être adressée à l'un des Dépositaires qui la transmettra aux Parties. Le Dépositaire en informera également le Comité des Ministres du Conseil de l'Europe et le Conseil de l'OCDE. La décision d'inviter les Etats qui ont demandé à devenir Parties à la Convention sera prise par consensus par les Parties à la Convention par l'intermédiaire de l'organe de coordination. Pour tout Etat qui ratifiera la Convention telle qu'amendée par le Protocole de 2010 conformément au présent paragraphe, la présente Convention entrera en vigueur le premier jour du mois qui suit l'expiration d'une

period of three months after the date of deposit of the instrument of ratification with one of the Depositaries.

- 6 The provisions of this Convention, as amended by the 2010 Protocol, shall have effect for administrative assistance related to taxable periods beginning on or after 1 January of the year following the one in which the Convention, as amended by the 2010 Protocol, entered into force in respect of a Party, or where there is no taxable period, for administrative assistance related to charges to tax arising on or after 1 January of the year following the one in which the Convention, as amended by the 2010 Protocol, entered into force in respect of a Party. Any two or more Parties may mutually agree that the Convention, as amended by the 2010 Protocol, shall have effect for administrative assistance related to earlier taxable periods or charges to tax.
- 7 Notwithstanding paragraph 6, for tax matters involving intentional conduct which is liable to prosecution under the criminal laws of the applicant Party, the provisions of this Convention, as amended by the 2010 Protocol, shall have effect from the date of entry into force in respect of a Party in relation to earlier taxable periods or charges to tax.

Article 29 – Territorial application of the Convention

- 1 Each State may, at the time of signature, or when depositing its instrument of ratification, acceptance or approval, specify the territory or territories to which this Convention shall apply.
- 2 Any State may, at any later date, by a declaration addressed to one of the Depositaries, extend the application of this Convention to any other territory specified in the declaration. In respect of such territory the Convention shall enter into force on the first day of the month following the expiration of a period of three months after the date of receipt of such declaration by the Depositary.
- 3 Any declaration made under either of the two preceding paragraphs may, in respect of any territory specified in such declaration, be withdrawn by a notification addressed to one of the Depositaries. The withdrawal shall become effective on the first day of the month following the expiration of a period of three months after the date of receipt of such notification by the Depositary.

Article 30 – Reservations

- 1 Any State may, at the time of signature or when depositing its instrument of ratification, acceptance or approval or at any later date, declare that it reserves the right:
 - a not to provide any form of assistance in relation to the taxes of other Parties in any of the categories listed in sub-paragraph b. of paragraph 1 of Article 2, provided that it has not included any domestic tax in that category under Annex A of the Convention;
 - b not to provide assistance in the recovery of any tax claim, or in the recovery of an administrative fine, for all taxes or only for taxes in one or more of the categories listed in paragraph 1 of Article 2;
 - c not to provide assistance in respect of any tax claim, which is in existence at the date of entry into force of the Convention in respect of that State or, where a reservation has

période de trois mois après la date du dépôt de l'instrument de ratification auprès de l'un des Dépositaires.

- 6 Les dispositions de la présente Convention, telle qu'amendée par le Protocole de 2010, s'appliquent à l'assistance administrative couvrant les périodes d'imposition qui débutent le 1^{er} janvier, ou après le 1^{er} janvier de l'année qui suit celle durant laquelle la Convention, telle qu'amendée par le Protocole de 2010, entrera en vigueur à l'égard d'une Partie ou, en l'absence de période d'imposition, elles s'appliquent à l'assistance administrative portant sur des obligations fiscales prenant naissance le 1^{er} janvier, ou après le 1^{er} janvier de l'année qui suit celle durant laquelle la Convention, telle qu'amendée par le Protocole de 2010, entrera en vigueur à l'égard d'une Partie. Deux Parties ou plus peuvent convenir que la Convention, telle qu'amendée par le Protocole de 2010, prendra effet pour ce qui concerne l'assistance administrative portant sur des périodes d'imposition ou obligations fiscales antérieures.
- 7 Nonobstant les dispositions du paragraphe 6, les dispositions de la présente Convention, telle qu'amendée par le Protocole de 2010, prendront effet à compter de sa date d'entrée en vigueur à l'égard d'une Partie, pour ce qui concerne les affaires fiscales faisant intervenir un acte intentionnel passible de poursuites en vertu du droit pénal de la Partie requérante portant sur des périodes d'imposition ou obligations fiscales antérieures.

Article 29 – Application territoriale de la Convention

- 1 Au moment de la signature ou du dépôt de son instrument de ratification, d'acceptation ou d'approbation, chaque Etat peut désigner le ou les territoires auxquels s'appliquera la présente Convention.
- 2 Tout Etat peut, à tout autre moment par la suite, par une déclaration adressée à l'un des Dépositaires, étendre l'application de la présente Convention à tout autre territoire désigné dans la déclaration. La Convention entrera en vigueur à l'égard de ce territoire le premier jour du mois qui suit l'expiration d'une période de trois mois après la date de réception de la déclaration par le Dépositaire.
- 3 Toute déclaration faite en vertu de l'un des deux paragraphes précédents pourra être retirée, en ce qui concerne tout territoire désigné dans cette déclaration, par notification adressée à l'un des Dépositaires. Le retrait prendra effet le premier jour du mois qui suit l'expiration d'une période de trois mois après la date de réception de la notification par le Dépositaire.

Article 30 – Réserves

- 1 Tout Etat peut, au moment de la signature ou au moment du dépôt de son instrument de ratification, d'acceptation ou d'approbation, déclarer qu'il se réserve le droit:
 - a de n'accorder aucune forme d'assistance pour les impôts des autres Parties entrant dans l'une quelconque des catégories énumérées à l'article 2, paragraphe 1, alinéa b. à condition que ladite Partie n'ait inclus dans l'annexe A de la Convention aucun de ses propres impôts entrant dans cette catégorie;
 - b de ne pas accorder d'assistance en matière de recouvrement de créances fiscales quelconques, ou de recouvrement d'amendes administratives soit pour tous les impôts soit seulement pour les impôts d'une ou plusieurs des catégories énumérées à l'article 2, paragraphe 1;
 - c de ne pas accorder d'assistance en rapport avec des créances fiscales qui existent déjà à la date d'entrée en vigueur de la Convention pour cet Etat ou, si une réserve a, au préalable,

previously been made under sub-paragraph a. or b. above, at the date of withdrawal of such a reservation in relation to taxes in the category in question;

- d not to provide assistance in the service of documents for all taxes or only for taxes in one or more of the categories listed in paragraph 1 of Article 2;
- e not to permit the service of documents through the post as provided for in paragraph 3 of Article 17;
- f to apply paragraph 7 of Article 28 exclusively for administrative assistance related to taxable periods beginning on or after 1 January of the third year preceding the one in which the Convention, as amended by the 2010 Protocol, entered into force in respect of a Party, or where there is no taxable period, for administrative assistance related to charges to tax arising on or after 1 January of the third year preceding the one in which the Convention, as amended by the 2010 Protocol, entered into force in respect of a Party.

- 2 No other reservation may be made.
- 3 After the entry into force of the Convention in respect of a Party, that Party may make one or more of the reservations listed in paragraph 1 which it did not make at the time of ratification, acceptance or approval. Such reservations shall enter into force on the first day of the month following the expiration of a period of three months after the date of receipt of the reservation by one of the Depositaries.
- 4 Any Party which has made a reservation under paragraphs 1 and 3 may wholly or partly withdraw it by means of a notification addressed to one of the Depositaries. The withdrawal shall take effect on the date of receipt of such notification by the Depositary in question.
- 5 A Party which has made a reservation in respect of a provision of this Convention may not require the application of that provision by any other Party; it may, however, if its reservation is partial, require the application of that provision insofar as it has itself accepted it.

Article 31 – Denunciation

- 1 Any Party may, at any time, denounce this Convention by means of a notification addressed to one of the Depositaries.
- 2 Such denunciation shall become effective on the first day of the month following the expiration of a period of three months after the date of receipt of the notification by the Depositary.
- 3 Any Party which denounces the Convention shall remain bound by the provisions of Article 22 for as long as it retains in its possession any documents or information obtained under the Convention.

Article 32 – Depositaries and their functions

- 1 The Depositary with whom an act, notification or communication has been accomplished, shall notify the member States of the Council of Europe and the member countries of OECD and any Party to this Convention of:
 - a any signature;
 - b the deposit of any instrument of ratification, acceptance or approval;

- été faite en vertu de l'alinéa a. ou b. ci-dessus, à la date du retrait d'une telle réserve au sujet des impôts de la catégorie en question ;
 - c. de ne pas accorder d'assistance en matière de notification de documents soit pour tous les impôts soit seulement pour les impôts d'une ou de plusieurs des catégories énumérées à l'article 2, paragraphe 1 ;
 - e. de ne pas accepter les notifications par voie postale prévues à l'article 17, paragraphe 3 ;
 - f. d'appliquer l'article 28 paragraphe 7 exclusivement pour l'assistance administrative couvrant les périodes d'imposition qui débutent le 1^{er} janvier, ou après le 1^{er} janvier de la troisième année précédant celle où la Convention, telle qu'amendée par le Protocole de 2010, est entrée en vigueur à l'égard d'une Partie, ou en l'absence de période d'imposition, pour l'assistance administrative portant sur des obligations fiscales prenant naissance le 1^{er} janvier ou après le 1^{er} janvier de la troisième année précédant celle où la Convention, telle qu'amendée par le Protocole de 2010, est entrée en vigueur à l'égard d'une Partie.
- 2 Aucune autre réserve n'est admise.
 - 3 Toute Partie peut, après l'entrée en vigueur de la Convention à son égard, formuler une ou plusieurs réserves visées au paragraphe 1 dont elle n'avait pas fait usage lors de la ratification, acceptation ou approbation. De telles réserves entreront en vigueur le premier jour du mois qui suit l'expiration d'une période de trois mois après la date de réception de la réserve par l'un des Dépositaires.
 - 4 Toute Partie qui a formulé une réserve en vertu des paragraphes 1 et 3 peut la retirer en tout ou en partie en adressant une notification à l'un des Dépositaires. Le retrait prendra effet à la date de réception de la notification par le Dépositaire.
 - 5 La Partie qui a formulé une réserve au sujet d'une disposition de la présente Convention ne peut prétendre à l'application de cette disposition par une autre Partie; toutefois, elle peut, si la réserve est partielle, prétendre à l'application de cette disposition dans la mesure où elle l'a acceptée.

Article 31 – Dénonciation

- 1 Toute Partie peut, à tout moment, dénoncer la présente Convention en adressant une notification à l'un des Dépositaires.
- 2 La dénonciation prendra effet le premier jour du mois qui suit l'expiration d'une période de trois mois après la date de réception de la notification par le Dépositaire.
- 3 La Partie qui dénonce la présente Convention reste liée par l'article 22 tant qu'elle conserve en sa possession des informations, documents ou autres renseignements obtenus en application de la Convention.

Article 32 – Dépositaires et leurs fonctions

- 1 Le Dépositaire auprès duquel un acte, une notification ou une communication sera accompli notifiera aux Etats membres du Conseil de l'Europe et aux pays membres de l'OCDE et à toute Partie à la présente Convention :
 - a. toute signature ;
 - b. le dépôt de tout instrument de ratification, d'acceptation ou d'approbation ;

- c any date of entry into force of this Convention in accordance with the provisions of Articles 28 and 29;
 - d any declaration made in pursuance of the provisions of paragraph 3 of Article 4 or paragraph 3 of Article 9 and the withdrawal of any such declaration;
 - e any reservation made in pursuance of the provisions of Article 30 and the withdrawal of any reservation effected in pursuance of the provisions of paragraph 4 of Article 30;
 - f any notification received in pursuance of the provisions of paragraph 3 or 4 of Article 2, paragraph 3 of Article 3, Article 29 or paragraph 1 of Article 31;
 - g any other act, notification or communication relating to this Convention.
- 2 The Depositary receiving a communication or making a notification in pursuance of the provisions of paragraph 1 shall inform immediately the other Depositary thereof.

- c) toute date d'entrée en vigueur de la présente Convention conformément aux dispositions des articles 28 et 29;
 - d) toute déclaration formulée en application des dispositions de l'article 4, paragraphe 3 ou de l'article 9, paragraphe 3 et le retrait desdites déclarations;
 - e) toute réserve formulée en application des dispositions de l'article 30 et le retrait de toute réserve effectué en application des dispositions de l'article 30, paragraphe 4;
 - f) toute notification reçue en application des dispositions de l'article 2, paragraphes 3 ou 4, de l'article 3, paragraphe 3, de l'article 29 ou de l'article 31, paragraphe 1;
 - g) tout autre acte, notification ou communication ayant trait à la présente Convention.
2. Le Dépositaire qui reçoit une communication ou qui effectue une notification conformément au paragraphe 1 en informera immédiatement l'autre Dépositaire.

In witness whereof the undersigned, being duly authorised thereto, have signed the Convention.

Established by the Depositaries the 1st day of June 2011 pursuant to Article X.4 of the Protocol amending the Convention on Mutual Administrative Assistance in Tax Matters, in English and French, both texts being equally authentic, in two copies of which one shall be deposited in the archives of each Depositary. The Depositaries shall transmit a certified copy to each Party to the Convention as amended by the Protocol and to each State entitled to become a party.

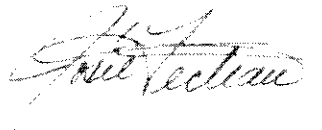
En foi de quoi, les soussignés, dûment autorisés à cet effet, ont signé la présente Convention.

Etabli par les Dépositaires le 1^{er} juin 2011 en vertu de l'article X.4 du Protocole d'amendement à la Convention concernant l'assistance administrative mutuelle en matière fiscale, en français et en anglais, les deux textes faisant également foi, en deux exemplaires dont un sera déposé dans les archives de chaque Dépositaire. Les Dépositaires en communiqueront copie certifiée conforme à chacune des Parties à la Convention telle qu'amendée par le Protocole et à chacun des Etats ayant qualité pour devenir partie.

I hereby certify that the foregoing text is a true copy of the Convention on Mutual Administrative Assistance in Tax Matters, which was opened for signature in Strasbourg on 25 January 1988, as amended by the Protocol amending the Convention on Mutual Administrative Assistance in Tax Matters, which was opened for signature in Paris on 27 May 2010, the original of which is deposited with the Secretary-General of the Organisation for Economic Co-operation and Development.

Paris, le 27 mai 2010

For the Secretary-General,
The Director for Legal Affairs:



Je certifie que le texte qui précède est une copie conforme de la Convention concernant l'assistance administrative mutuelle en matière fiscale, ouverte à la signature à Strasbourg le 25 janvier 1988, telle qu'amendée par le Protocole d'amendement à la Convention concernant l'assistance administrative mutuelle en matière fiscale, ouvert à la signature à Paris le 27 mai 2010, dont l'original se trouve déposé auprès du Secrétaire général de l'Organisation de coopération et de développement économiques.

Paris, le 27 mai 2010

Pour le Secrétaire général,
Le Directeur/La Directrice des Affaires juridiques :